

TRITÂN

TẠP CHÍ VĂN HÓA RA HÀNG TUẦN

Tòa báo, ty trị sự, nhà in 95-97 phố Chancéaulme, Hà-nội

TRONG SỐ NÀY :

- * Quan-niệm về thẩm-mỹ của la xưa thế nào ? *Hoa-Bằng*
- * Những ông nghề triều Lê (LX) *Nguyễn-văn-Tổ*
- * Văn-hóa vật-chất (IV) *Ứng-Hòa*
- * Từ hội-nghị Diên-hồng... (II) *Khuông-Việt*
- * Đại-Nam dật-sự (VII) *Nguyễn-Văn-Tổ*
- * Indrapura (Đồng-dương) (Hết) *Dương-Kỵ*
- * « Hậu-lai cách-trí » của Renan tiên-sinh (II) *Đỗ-Thúc*
- * Ngô-thì-Nhậm ... (Hết) *Sông-Bằng*
- * Tào-hóa và nhân-loại (VI) *Minh-Tuyên*
- * Cháy cung Chương-Vũ (Tiền-thuyết, III) *Chu-Thiên*

QUAN-NIỆM VỀ THẨM-MỸ

của ta xưa thế nào ?

HOA-BĂNG

CÓ một giáo-sư người Pháp thường bảo một nhà họa-sĩ ta : « Anh phải mau mau mà diễn tả những can nhà, lối đi ở thôn quê anh, kéo chẳng bao lâu, những nhà mới sẽ tràn-lan khắp xứ. Anh sẽ thất vọng khi muôn kiếm được một nhà với lối kiến-trúc đẹp xra. Đến những phong-ảnh cũng sẽ thay dần. Anh sẽ thấy họ phải đi vì sự tiện lợi về sinh-hoạt hay giao-thông trong nước. Cây-cối rừng núi sẽ bị chặt phá để mở đường cho những sự cần thế khác... »

Đó là công việc của nhà họa-sĩ.

Còn công việc của nhà văn ta là phải « vẽ lại » những nét « tinh thần thời xưa », chẳng hạn như quan-niệm thẩm mỹ của ta xưa ra sao đây, sau này, các bạn hậu tiến còn phảng-phất được đôi chút màu-sắc thời-đại.

Muốn xét quan-niệm thẩm mỹ của ta xưa, tưởng không gì bằng căn cứ ngay vào những câu ca-dao mộc-mạc, những truyện-tích cổ bằng chữ nôm.

Một cô con gái đẹp ngày xưa đáng chó người thương, người yêu thì phải có cái dung-nhan và phục-sức thế nào ?

Cà-dao trả lời thế này :

*Một thương tóc bỏ dưới gà,
(Hai thương ăn nói mặn-mà
có duyên,)*

*Ba thương má lúm đồng tiền,
Bốn thương răng nhánh hạt
huyền kém thua,*

*Năm thương dải yếm đeo bùa,
Sáu thương nón thương quai
tựa dịu-dàng...*

Lại như :

*(Thấy em xinh nói, xinh
cười,)
Xinh quần, xinh áo, xinh đôi
nụ vàng,*

*Chân em xỏ dép quai ngang,
Tay đeo nhẫn bạc lại càng
thêm xinh.*

Và :

*Cổ tay em trắng như ngà,
Con mắt em liếc như là dao
cay,
Miệng cười như thề hoa ngâu,
Cái khăn đội đầu như thề hoa
sen,
Nón trắng mà đội thao đen...*

Như các bạn đã thấy, phong-nhan ta tả người đẹp xưa khác hẳn người đẹp bây giờ :

Ngoài những câu tả về lời nói-giọng cười như ăn nói mặn-mà có duyên, như xinh nói, xinh cười, là phần cốt-tinh-cách vĩnh-viễn không thay đổi vì thời-gian, còn từ phục-sức đến trang-diêm của người đẹp xưa ấy nhất nhất khác với ngày nay.

Người ấy phải có hai hàm răng rụng-rức đen, có món tóc đuôi gà lê-thê dài, có hai đồng tiền lúm trên đôi má hồng-hồng đỏ...

Người ấy, với cái hình-thể được Trời phú cho vẻ đẹp thiên-

nhiên : da trắng như ngà, mắt sắc như dao, miệng cười tươi như hoa nở, thường hay trang-sức thế này : tai đeo đôi nụ thông bằng vàng, tay đeo chiếc nhẫn bằng bạc, chân đi đôi dép quai ngang, đầu đội chiếc nón thương thông đôi thao đen, cổ mang yếm buông đôi dải thắm...

Đó là kiểu-mẫu cái đẹp cách nay có lẽ mấy chục năm trở về trước : cái đẹp ấy, đối với thế-hệ trước, là cái đẹp truyền từ nòi nòi, cái đẹp bất di, bất dịch. Vì chung một quan-niệm về mỹ-thuật trong khuôn sáo chật hẹp, đời nọ qua đời kia, mắt ai cũng chỉ quen nhìn như thế, tai ai cũng chỉ quen nghe như thế, nên ai ai cũng uốn mình theo cái khuôn vòng đã đặt sẵn, không thấy khao-khát một mẫu-sắc gì lạ-lùng hơn, mới-mẻ hơn...

Ngày nay các bạn gái đua nhau để răng trắng, đánh răng trắng (phong-trào này đi kèm với phong-trào ăn mặc tân-thời, nổi dậy từ khoảng năm 1933 trở đi), nhưng xưa kia răng trắng lại bị liệt vào hạng « xấu xí », « khó coi ». Chứng-cớ ấy ta thấy ở trong câu phong-dao này mà phong-nhan đã đặt giống đôi đũa, khi đọc lên, ai cũng dễ nhận thấy một sự so-sánh chênh-lệch, một cách đối-trọi mỉa-mai :

(Những người má đỏ hồng
hồng,)

Răng đen rung rúc thì chồng
chẳng yêu!

(Những người mặt nhợt như
nieu,)

Cái răng trắng ớn, chồng yêu
lạ-lùng!

Rồi người ta còn cao giọng ca-
tụng cái đẹp của bộ răng đen và
các cô con gái xưa đã tốn bao
công tình kiêng-khem, nhuộm,
chiết:

Răng đen, ai nhuộm cho mình?
Chớ răng mình đẹp, cho tình
mình yêu?

Mà một cô con gái xưa khi đã
có cái nhan-sắc răng đen má
hồng thì trong bụng thế nào cũng
muốn kén-chọn lấy một người
chồng có học-vấn, có kiến-thức,
có địa-vị xứng-dáng cho bộ cái
công trang-điểm, chăm-chút, giữ-
gìn:

Lấy chồng cho đáng tầm chồng,
Bỏ công trang-điểm má hồng,
răng đen.

Thế mới biết, theo quan-niệm
xưa về sắc đẹp, « cái răng, cái tóc
là góe con người », từ kẻ trong
quốc cho đến người bàng-quan, ai
cũng công-nhận răng đen là món
trang-điểm tuyệt mỹ của cô con
gái, khác hẳn cái hiểu-thượng
răng trắng ở đời nay.

Nhân đó, chúng ta được một
nhận-xét: chân-lý bao giờ cũng
chỉ là tương-đối. Cái ưa-chuộng
ở ngày xưa thường không được
ưa-chuộng ở ngày nay, mà cái ưa-
chuộng ở ngày nay chưa chắc đã
được ưa-chuộng ở ngày sau.

Truyện Kiều tả cái đẹp chững-
chạc, đứng-dẫn, thù-mỹ của hai

chị em Thúy Kiều, Thúy Vân thế
này:

Mắt cốt cách, tuyết tinh thần,
Mỗi người một vẻ mười phân

Vạn xem trang-trọng khác vời,
Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài
nở nang.

Hoa cười, ngọc thốt đoan-trang,
Mây thua nước tóc, tuyết
nhường màu da.

Kiều càng sắc-xảo mặn-mà,
So bề tài sắc lại là phần hơn:
Làn thu thủy, nét xuân sơn,
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn
kém xanh!

Cái đẹp của nàng Vân là cái
đẹp của người đoan-trang, chín-
chắn: khuôn mặt thì đầy đặn
phúc hậu, nét mày thì dài rộng
đậm-đà, tóc xanh, xanh hơn mây,
da trắng, trắng hơn tuyết, từ nét
cười tươi-tắn như hoa đến liếng
nói trong-trẻo như ngọc đều chứa
một vẻ đẹp đứng-dẫn, dịu-dàng.

Đến cái đẹp của nàng Kiều thì
lỗi-lạc hơn, phi-thường hơn: con
mắt trong sáng như nước mùa thu,
nét mày xanh tươi như núi mùa
xuân, không những sắc-xảo hơn
Vân ở tài, mà lại mặn mà hơn Vân
ở cái nhan-sắc. Phải, Kiều đẹp
tốt vời, đẹp lộng-lẫy đến nỗi hoa
cũng phải ghen, liễu cũng phải
hờn vì cái đẹp tươi thắm nổi bật,
vượt hẳn trong đám quần phượng.

Sau khi đã xem kỹ những nét
tả về sắc đẹp dưới ngòi bút linh-
động của thi-sĩ Nguyễn Du, ta
nhận thấy rằng sắc đẹp xưa dù
được thi-sĩ hay họa-sĩ tô-diểm
khéo-léo tài-tình đến đâu cũng
vẫn là cái đẹp « cổ-diễn », cái
đẹp « nề-nếp », khác hẳn cái đẹp

« lãng-mạn », cái đẹp « kích
thích », cái đẹp « say-sưa » của
tân-thời. Hai chỗ khác nhau ấy, ta
có thể so-sanh ở: một bức tranh
mỹ-hà cổ với một bức tranh
mỹ-nhân kim, một đoạn truyện
tàu cổ tả về sắc đẹp nữ-tính với
một đoạn tiểu-thuyết ta nay cũng
tả về sắc đẹp nữ-tính.

Sở dĩ xưa và nay có chỗ khác
nhau như thế, là vì quan-niệm về
mỹ-thuật nay khác hẳn xưa, như
trong bài xã-thuyết ở số báo
trước (T. T. số 109) đã nói.

Mà cái cơ chúng ta nay có một
quan-niệm về mỹ-thuật khác với
tổ-tiên ta xưa chẳng qua cũng vì
quan-niệm về nhân-sinh và sự tổ-
chức xã-hội mỗi thời một khác.

Sử chép: đời vua Lê Thuần-
lông (1732-1735), vì thấy dân gian
thối-lạc ngày dần xa xỉ, nên tháng
5, nam giáp dần, niên hiệu Long
đức thứ ba (1734), Triều đình bèn
ra lệnh cấm quan, quân, dân thư
không được chạm-trổ hình chư
trong đồ vật thường dùng, không
được trang-sức hoa-mỹ, người
thợ không được đua nhau chế-lạo
những đồ lạ lùng khéo-léo (Khâm-
định Việt-sử, quyển 37, tờ 30 b-
31 a).

Nay khác hẳn: trường Cao-
đẳng Mỹ-thuật mở rộng cửa từ
năm 1925, hoan-nghênh hết thấy
những tài-nang về các nhánh như
hội-họa, điêu-khắc và kiến-trúc...
Rồi những sinh-viện trường ấy,
sau khi tốt-nghiệp, đều là những
tay truyền bá mỹ-thuật rất đặc-
lực ở xứ này. Do đó cái khiếu
thâm-mỹ trong dân-gian sẽ được
mở rộng dần-dần, người ta sẽ có
cái nhận-thức xác-thực trước
Chân, Thiện, Mỹ.

HOÀ BẮNG

BIA VĂN-MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHỀ TRIỀU LÊ

Số 60

Ứng-hóa NGUYỄN-VĂN-TỔ

thìn 1484. Nguyên tổ quán ở xã Thiên-lộc, tỉnh Nghệ-an, là đồng dôi Đặng-Dung, trung - thần triều Trần - Là em họ Đặng-Di (*Đặng khoa lục* chép là Đặng Chiêm) ở xã Sơn-vi, là chủ họ Đặng-tùng-Cự Đặng-minh-Khiêm; Đặng-Toàn. Là em ruột Đặng-Điền, đỗ đồng tiến-sĩ khoa canh-tuất 1490: anh em đồng triều (*Đặng khoa bị khảo*, quyền Sơn-tây, tờ 57 a).

23. — Đặng-tùng-Cử, người xã Mạo-phô, huyện Sơn-vi, Pou Lâm-thao, tỉnh Sơn-tây. Nam 27 tuổi, đỗ đồng tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Làm quan đến Đông các đại-học-sĩ, kiêm coi việc viện Hàn-lâm, Là con Đặng-Di (hoặc Đặng Chiêm), đỗ năm 1453; là anh ruột Đặng-minh-Khiêm và Đặng-lân cùng đỗ năm 1487: ba anh em đồng triều. Là cháu gọi Đặng-Thận và Đặng-Điền ở Lập-thạch bằng chú họ. Đặng-Thận đã chép trên kia; còn Đặng-Điền đỗ khoa 1490 (*Đặng khoa lục*, quyền 1, tờ 32 b; *Đặng khoa bị khảo*, quyền Sơn-tây, tờ 75 b).

24. — Lê - đức - Liên người xã Quỳnh-hoàng, huyện Giáp-sơn, phủ Kinh-môn, trấn Hải - dương. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Làm quan đến hiến-sát-sứ (*Đặng khoa lục*, quyền 1, tờ 32 b; *Đặng khoa bị khảo*, quyền Hải-dương, tờ 95 b).

25. — Nguyễn-vô-Cửu, người làng Nội-duệ, huyện Tiên-du, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc, Đỗ đồng tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Làm quan đến Quốc-tử-giám tế-tửu (*Đặng khoa lục*, quyền 1, tờ 32 b; *Đặng khoa bị khảo*, quyền Kinh-bắc, tờ 17 b — 18 a).

(Còn nữa)

Ứng-hóa NGUYỄN-VĂN-TỔ

14. — Đỗ-thanh-Đào, người xã Đông-dur, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách, tỉnh Hải-dương. Nam 28 tuổi, đỗ đồng tiến-sĩ khoa giáp-thìn (1484) hiệu Hồng - đức thứ 15, đời vua Lê Thánh-tông. Làm quan đến hi n-sát-sứ (chép theo *Đặng khoa lục*, quyền 1, tờ 31 b; quyền *Đặng khoa bị khảo*, Hải-dương tờ 57 b chép làm quan đến Hàn-lam viện đãi-chế).

15. — Nguyễn - í h - Tốn, người xã Mậu-hóa, huyện Đan-phượng, phủ Quốc-vai, tỉnh Sơn-tây. Nam 27 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484, Làm quan đến Lễ bộ hữu - th - lang Là cháu ngoại Nguyễn-Trực ở Thanh - oai, đỗ trạng-nguyên khoa 1442 (*Đặng khoa bị khảo* quyền Sơn-tây, tờ 29 a-b) Bộ *Toán-Việt thi - lục* (ích viết của Trường Bặc-cổ, số Á 1262, tờ 22 a 23 a) có chép được sáu bài thơ cận-thề của ông Nguyễn-ích-Tốn, đề là Kỳ-khĩ, Văn-nhân, Mai-hoa, Anh tài-tử, Tướng-sĩ nhớ nhà, Động Lục-vận; sáu bài này đều phụng - họa ngự-chế.

16. — Đặng-tử-Nghị, người xã Yên-tập huyện Đường - hào, tỉnh Hải-dương, Đỗ đồng tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Làm quan đến thượng-thư rồi về trí-sĩ, Là tưng táng-tổ của Đặng-kính-Chí, (*Đặng khoa lục*, quyền 1, tờ 32 a; *Đặng khoa bị khảo*, quyền Hải-dương, tờ 3 a).

17. — Nguyễn-văn-Hạp, người xã Nghiêm - xá, huyện Thượng-phúc, phủ Thượng-tín, trấn Sơn-nam. Nam 26 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ

khoa giáp-thìn 1484. Làm quan đến hiến-sát-sứ (*Đặng khoa bị khảo*, quyền Sơn-nam, tờ 21 b).

18. — Vũ minh-Châu, người xã Kim-lan, huyện Cầu-giang, tỉnh Hải-dương. Nam 27 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484, Làm quan đến tư khanh (*Đặng khoa lục*, quyền 1, tờ 32 a; *Đặng khoa bị khảo*, quyền Hải-dương, tờ 29 b).

19. — Nguyễn - hữu - Huy, người xã Cồ - điền, huyện Thanh - đàm (Thanh-tri), phủ Thượng-tín, trấn Sơn-nam. Nam 29 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Làm quan đến giám-sát ngự-sứ (*Đặng khoa lục*, quyền 1, tờ 32 a; *Đặng khoa bị khảo*, quyền Sơn-nam, tờ 5 a).

20. — Phạm - cận - Trục, người xã Đàm-xá, huyện Trường - tân (Gia-lộc), phủ Hạ-hồng, tỉnh Hải-dương. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Làm quan đến Phụng-thiên phủ-doãn (*Đặng khoa lục*, quyền 1, tờ 32 a; *Đặng khoa bị khảo*, quyền Hải-dương, tờ 37 a).

21. — Nguyễn-doãn-Huy, người xã La-giang (La-sơn), huyện La-giang (La-sơn), phủ Đức-quang, tỉnh Nghệ-an. Năm 31 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Làm quan đến tham-chính *Đặng khoa lục*, quyền 1, tờ 32 a (*Đặng khoa bị khảo*, quyền Nghệ-an, tờ 19 a).

22. — Đặng - Thận, người xã Sơn-dòng, huyện Lập-thạch, phủ Tam-đái, tỉnh Sơn-tây. Năm 26 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa giáp-

VĂN-HÓA

Số 4

Văn-loại Úc-châu ngày xưa (forme culturelle austroloïde, hoặc vieille-australienne) hiện còn ở phía đông-nam và phía tây nam với tây-bắc Úc-châu bây giờ, là những nơi chưa có người Anh đến ở đông, phần nhiều chỉ có người bản-tổ. Kể ra ở Úc-châu hãy còn nhiều chỗ theo văn-hóa ấy (trừ hai bán-đảo ở phía bắc thì không kể). Ở Đại-dương châu (Océanie) thì thấy vết-tích văn-hóa Úc châu ở Nouvelle Zélande, Nouvelle-Calédonie, San-Cristobal (quần đảo Salomon), Nouvelles-Hébrides, đảo Fidji và đảo Hawai. Ở Nam-Mỹ, thì có những bộ-lạc ở cao-nguyên nước Brésil và ở rừng gần đấy, ở Bắc-Mỹ thì miền Californie và một vài bộ-lạc Algonquins, ở Phi-châu thì phía nam có một ít và nhất là ở chỗ đông-lã, của thượng-lưu sông Nil, đều là những nơi hãy còn nhận được rõ-ràng dấu-tích của văn hóa Úc-châu.

Dân Úc-châu sinh-nhai bằng nghề hái, săn và bắt cá. Có thứ giáo riêng (sagaie) để giết muông thú và đâm cá. Họ dùng một thứ lưới câu thẳng, nhưng dùng ít lắm; xét về thời tiền-sử thì thứ lưới câu thẳng có vết-tích ở Âu-châu từ đời cổ-thạch-khí (paléolithique). Dân Úc-châu cũng có dùng lưới câu cong, hình như không phải tự họ chế ra đầu tiên. Họ đã biết nuôi chó, nhưng có lẽ cũng bắt trước văn hóa khác.

Người Úc châu có hai lối lấy lửa; một là lối xoay dùi bằng hai lòng bàn tay, hai là lối cưa, lấy dây leo

VẬT-CHẤT

Ứng hoè Nguyễn văn Tố

cưa xát vào gỗ (Ở nước ta hiện còn có người cưa những chai thủy tinh bằng lối ấy: để một cái chai nằm ngang ở giữa, rồi thông lóng một cái lạt cắt rất tốt, hai ng rời cầm hai đầu lạt cưa mãi đến khi nóng thì chai nứt ra như tện). Xem trong chuyện cổ tích của người Úc, còn lối lấy lửa uĩa, có lẽ là lối xát rãnh.

Người Úc-châu có ba lối làm đồ ăn: một là nấu chín hoặc ninh như, hai là nướng lên trên than hồng, ba là đưa vào trong lò gốm.

Nhà ở thì phần nhiều là kiểu tổ ong; có lẽ những cái lều nóc nhọn và tròn như hình cái dùi cũng thuộc về văn-hóa Úc-châu.

Quần áo thì chỉ có lối áo khoác từ vai trở xuống, như lối quần vải của người Mui ở Đông-dương.

Về khí-giới thì có thứ vũ-khí riêng lên là *boumerang*, làm bằng một miếng gỗ hơi cong, cầm để ném dĩa-thú: có một điều lạ nhất là ném rồi, cái *boumerang* lại lộn về chỗ mình đứng. Khắp Úc-châu đều có thứ vũ-khí ấy. Ở Nam Mỹ, ở Californie và miền Pueblos, — ở một vài đám dân Algonquins, từ miền sông Nil đến cao-

nguyên Ethiopie và giữa châu Phi, đều dùng thứ vũ khí ấy. Ở Úc châu có hai kiểu *boumerang*: một kiểu bẻ cong gần như cánh cung, một kiểu cong gần giống thước thợ, hãy cái ngác ở cành cây thì đúng hơn.

Thứ giáo *sagaie* để đâm cá và giết muông thú làm bằng gỗ hoặc bằng sừng, có khi buộc một miếng da ở đầu giáo.

Có một thứ khí giới để phòng vệ tuy không thông dụng nhiều nơi như cái *boumerang*, nhưng cũng là một cái đặc biệt trong văn hóa Úc châu, đó là cái gậy dùng làm mộc, ở giữa có lỗ thò tay vào cầm, có lẽ là gốc-tích của cái mộc sau này. Thứ « gậy-mộc » này không những ở Úc-châu có mà thôi, ở thượng lưu sông Nil và ở phía đông phía nam châu Phi đều có cả.

Có một thứ búa chỉ riêng Úc châu có mà thôi, là thứ búa lưới đá, gắn vào cán bằng thứ nhựa rắn chắc. Có một vài thứ búa hai lưỡi: thứ búa này phải đục cán tra miếng đá vào; hai bên miếng đá là hai lưỡi, nhưng cả hai lưỡi đều còn vụng lắm; cũng có thứ lưới mài nhọn đầu. Còn thứ búa một lưỡi, thì có thứ gắn vào cán, có thứ đục cán tra lưới như lối búa hai lưỡi.

(Xem tiếp trang 21)

Trong tháng Septembre 1943

Tri-Tân sẽ xuất bản một số đặc-san về

VĂN-HỌC PHỤ-NỮ VIỆT-NAM

Vậy các bạn làng văn có sáng-kiến gì lạ, tài liệu gì hay, xin góp với chúng tôi để cho số đặc san đi đến bước hoàn-bì.

T. T.

TÙ' HỘI-NGHỊ DIÊN-HỒNG ĐẾN

HỘI-ĐÔNG HƯƠNG-THÔN

Số 2

KHUÔNG-VIỆT

Ngày 28 tháng 6 năm 1869, Ủy-ban đề trình một bản chương-trình nghị sự chia ra làm bốn khoản và gởi các vấn-đề về:

1) Thuế ruộng vườn. Cách phân chia và xin miễn thuế.

2) Bộ sách từ giá thú trong làng. Sổ sổ thuế hằng năm của làng và trách nhiệm của vị xã-trưởng. Việc lập bộ đình, thuế thân. Việc đi lính và công xư.

3) Cách thức cho vay: tiền lời và cách đảm bảo số nợ.

4) Cho nhà nông vay tiền làm mùa.

5) Việc buôn bán nha-phiến.

Các vấn-đề ấy đều có liên quan đến đời sống của người dân. Muốn tránh những sự hiểu lầm và muốn cho mỗi người đều nhận được ý nghĩa rộng rãi của chánh-phủ Pháp, bốn chương-trình này được in ra và gởi đi khắp các làng. Hạng-chức trong làng phải yết-thị cho dân đến xem và viên xã-trưởng phải đọc lên cho tất cả dân chung hiểu rõ từng khoản và thấu-đáo sự quan-trọng của việc chọn người thay mặt cho họ tại Hội-Đông Hương-thôn.

Từ ngày 25 đến 30 tháng 8 năm 1869 dân chúng khắp xứ Nam-kỳ xô-náo về việc cử người thay mặt cho làng mình. Cuộc công-cộng tuyển-cử ấy thật là một việc hết sức mới lạ đối với người dân Nam-kỳ. Lúc bấy giờ xứ Nam-kỳ chia ra làm 25 tỉnh, có 191 tổng

và 1038 làng. Mỗi làng được cử một người, nên sự chọn lựa có phần lọc lõi. Ai ai cũng có quyền ứng cử trừ hàng công-chức cùng các hương-chức trong làng. Người thay mặt cho dân phải là người thông-minh, độc lập, dẫu cho trước kia có can án quốc-sự. Và lại chánh-phủ chỉ muốn được chỉ dẫn chắc chắn. Vì mục-đích ấy nên chánh-phủ để cho dân được trọn quyền tự-do chọn người gánh vác phận-sự đại-trình nguyện-vọng và binh-vực quyền-lợi của họ. (Courrier de Saigón N° 16 du 20 8-1869).

Nơi tuyển-cử là nhà hội của làng hoặc đình chùa trong xóm. Cách tuyển-cử rất giản-dị. Viên xã-trưởng trong làng mở ra một quyển sổ. Mỗi người dân đến trình-diện ghi tên mình và tên người mình cử vào quyển sổ ấy. Đối với những người vắng mặt viên xã-trưởng phải thân hành đi mời họ đến ghi tên. Tuy nhiên cuộc tuyển-cử ấy là một việc chưa từng có ở đất Đông-nai-Gia-định này nên người dân quê đầu bần thế nào cũng nhón chút thì giờ khi đi ra ruộng vườn dặng ghé nơi tuyển-cử làm tròn phận-sự công-dân. Và lại đó cũng là một cơ hội để họ gặp gỡ nhau.

Ta thử tưởng tượng quang-cảnh trong làng lúc bấy giờ. Những cụ già đầu chít khăn đỏ,

tay chống gậy tre, những chàng trai lực lưỡng, quần xắn khố gối, chun lăm bùn, vai vác cày, tay xách cốc-hối-hả vôi vàng đi cả người thay mặt. Họ rụt-rè bờ-ngõ, gương mặt họ đầy những vẻ ngờ-vực, đôi mắt họ sáng lên vì đang tìm hiểu cái ý-nghĩa của việc họ phải làm. Rồi đứng đoàn, từng đám họ bàn tán với nhau.

Tự ngàn xưa đời sống của họ bình-dị êm đềm. Họ đã quá quen với cách-thức cai-trị của các quan cựu trào, nên những việc lạm quyền áp-chế họ đều cho là thường sự. Vì vậy họ kêu không tới trời nên họ đành cam phận cúi đầu vâng dạ. Nay nay mặc dầu chánh-thề đã thay đổi, họ cũng không dám mơ tưởng chi hơn. Đột nhiên chánh-phủ Pháp lại ân-cần muốn biết ý-kiến và nguyện-vọng của họ. Ý-kiến họ vẫn luôn luôn sẵn có; nguyện-vọng họ vẫn luôn luôn ao-ước được đạt-thành. Nhưng đã không ai màng biết tới, đã không dám tỏ bày, nên họ đành chôn chặt tận đáy lòng. Bấy giờ chính nhà cầm quyền lại muốn cho họ tham dự vào việc nước, ấy là điều hay hay diệu đở, ấy là sự thực hay sự hư? Bốn chữ « quyền-lợi công-dân » họ đã phải bồi tròng ngôn-ngữ van-tự, nay lại được tự-do dùng tới, thật là một việc bất ngờ; bất ngờ đến nỗi họ phải đâm ngờ. Bao nhiêu ý nghĩ đó lẩn-quanh lẩn-quần trong đầu họ và cũng là đầu câu chuyện mỗi khi họ gặp nhau.

Ngày 30 tháng 8 chức-việc trong làng khóa sổ tuyển-cử và trước mặt công chúng tuyên-bố tên người đắc cử. Chẳng phải riêng dân Việt-Nam được cử vào Hội-đông Hương-thôn, mà cả người

Mên và ng ròi Mọi cũng đợ tham-
đự. Tại tỉnh Long-thành (nay thuộc
tỉnh Biên hoà) có ba ông của
người Mọi, nhưng họ không đáp
tại lời hiệu triệu của chính phủ,
không chịu rời khỏi mấy đám
rừng của họ nên vắng mặt họ tại
Hội-dồng Hương-thôn. Tỉ tỉ lại
trông các tỉnh Rạch-giã, Sóc-trăng,
Trà-vinh, Bắc-trang (nay thuộc
tỉnh Trà-vinh) đều có người Mên
đắc-cử. Ví dụ tại tỉnh Sóc-trăng
trong số 140 hội-viên có đến 75
người Mên và tỉnh Trà-vinh có 54
người Mên trong số 99-hội-viên.

Báo Courrier de Saigon ra ngày
5 Septembre 1869 có bình-phẩm
cuộc tuyển-cử ấy như vầy:

«Cuộc-tuyển-cử các ông Hội-
đồng Hương-thôn đã chấm dứt và
kết-quả đã vượt khỏi những điều-
tiên đoán»

Tất cả mọi sự khó khăn mà
người ta có thể lo ngại trong việc
thi-hành lần thứ nhất một phương-
sách cai-trị lạ kỳ đối với các dân
tộc Á-Đông đều được phòng ngừa
trước bằng những lời giảng giải
rành mạch của các quan cai-trị và
nhờ tánh nghiêm trang từ-nghĩa
của người Việt-nam.

Hạng thường dân xưa từ xưa
hoàn toàn bị loại ra ngoài các vấn-
đề công cộng, nay đã tự hào được
hỏi tới và đã biểu lộ sự bằng lòng
ấy bằng cách hăng hái trong việc
bầu cử.

Hạng chức việc trong làng, lúc
ban đầu lấy làm ngạc nhiên sao
chánh-phủ lại nghĩ đến sự hỏi ý-
kiến của những người khác hơn
họ, nhưng về sau hiểu rõ ý nghĩa
cao xa của việc ấy họ rất trông
mong kết-quả và những đến sửa
đổi sẽ thi-hành.

Bởi thế tất cả dân chúng đều
sốt-sắng trong việc bầu cử và số
người ứng-cử rất đông. Trong vài
làng có đến bốn nam người tranh
nhau. Đầu đầu cũng rộn rịp nhộn
nhàng nhưng không có một việc
rắc rối nhỏ nào xảy ra cả.

Lòng sốt-sắng ấy đáng đợ nêu
cao và theo ý chúng tôi, ta nên
xem đó là một triệu chứng chắc
chắn của lòng việc đồng hoá đang
chậm chậm thực hành trong dân
chúng Việt Nam.

Tuy là vì ích lợi chung cho
người trong làng, nhưng chánh-
phủ cũng không để cho các ông
hội đồng phải chịu thiệt về sở-
phí, nên mỗi hội-viên được phụ-
cấp ba quan một ngày.

Những ngày hội trong 25 tỉnh
xứ Nam kỳ chia ra như sau này:

Từ 5 tới 9 tháng 9, hội trong
các tỉnh Sài gòn, Cần giộc, Vĩnh-
long (khu thứ nhất), Mỹ tho (khu
thứ nhất) Rạch-giã Cần-thơ Tân-an.

Từ 10 tới 14 tháng 9, hội trong
các tỉnh Chợ-lớn, Biên-hòa, Vĩnh-
long (khu thứ nhì), Mỹ-tho (khu
thứ nhì), Sóc-trăng, Long-xuyên,
Trảng-bàng.

Từ 15 tới 19 tháng 9, hội
trong các tỉnh Gò-công, Long-
hành, Cần-lố, Bến-tre, Bắc-trang,
Châu-đốc, Tây-ninh.

Từ 20 tới 24 tháng 9, hội trong
các tỉnh Bà-rija, Sa-đéc, Mỏ-cày,
Hà-liên, Trà-vinh, Thủ-dầu-một.

(Courrier de Saigon N^o 16 du
29-8-1869)

Hội-dồng làm việc dưới quyền
chủ-tịch một viên thanh-tra các
việc-bồn-quốc (Inspecteur des
Affaires Indigènes này là Administrateur
Chef de province). Nhưng
có hai đặc điểm này đáng chú ý

là vị quan thanh-tra tại tỉnh
không được chủ-tọa Hội-dồng
Hương-thôn của tỉnh mình và
những vị nghị-trưởng phải thông
hiệu tiếng Việt-Nam. Như thế là
để tránh sự dè dặt của người dân
trong tỉnh đối với vị quan đang
cai-trị mình và những sự lăm-lộn
trong việc phiên dịch các ý kiến
được tỏ bày.

Quyền chủ tịch Hội-dồng Hương-
thôn chia ra như sau đây:

Ông PHILASIRE chủ tọa Hội-
đồng Hương-thôn của các tỉnh
Sài-gòn Chợ-lớn, Gò-công, Bà-rija.

Ông BOUS GOV chủ-tọa Hội-
đồng Hương-thôn của các tỉnh
Vĩnh-long (hai khu), Sa-đéc,
Cần-lố.

Ông DE BASTARD chủ tọa Hội-
đồng Hương-thôn của các tỉnh
Mỹ-tho (hai khu), Bến-tre, Mỏ-cày

Ông BERTAUX LEVILLAIN chủ-
tọa Hội-dồng Hương-thôn của các
tỉnh Tân-an, Trảng-bàng, Tây
ninh.

Ông LABUSSIÈRE chủ-tọa Hội-
đồng Hương-thôn của các tỉnh
Thủ-dầu-một, Biên-hòa, Long-
thành, Cần giộc.

Ông DULIEU chủ tọa Hội-
đồng Hương-thôn của các tỉnh
Cần-thơ, Long-xuyên, Châu-đốc,
Hà-liên.

Ông ALEXANDRE chủ tọa
Hội đồng Hương thôn của các
tỉnh Rạch giã, Sóc-trăng, Bắc-
tràng, Trà-vinh.

(Bull. de la Direction de
l'Intérieur 1869 p. 144).

Hai tỉnh Vĩnh-long và Mỹ-tho
vị rộng lớn Vĩnh-long có 234
làng, Mỹ-tho 178 làng nên chia
ra làm hai khu.

(Gòn nữa)
KHUÔNG VIỆT

ĐẠI-NAM DẬT-SU

Số 7

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

V. — Ông tổ văn-hiến nước ta (bài nối)

Ria đá dựng ở đền thờ ông Sĩ-vương, tại làng Tam-á, tỉnh Bắc-nghệ, năm 1676 1706, 1787 và 1801, đều có câu: « Hữu công ư nhân, nhân hậu kỳ báo », hoặc câu: « Hữu công ư nhân, nhân tất truy tự », để khen ông Sĩ-Nhiếp đem thi thư dạy người nước ta, nên người nước ta lập đền thờ để báo ơn. Những câu ấy đều là gốc ở câu « Hữu công tắc tự », nghĩa là có công-đức với dân thì dân thờ cúng. Nhưng xem trong chính-sử, như bộ *Đại-Việt sử-ký toàn-thư* (quyển 3, tờ 12 a), thì lại chép rằng: « Ông Sĩ Nhiếp mất năm 216 sau Thiên-Hóa; đến cuối đời Tấn (399) quân Lâm-ấp vào ăn cướp Giao-châu, có phạm vào mộ ông thấy ông thân-thể và sắc mặt như khi còn sống, sợ lắm, phong phần lại; dân bản-thổ lấy ông làm thần, dựng miếu thờ, gọi là Sĩ-vương tiên. Sau đến đời Trần Thái-tông (1225-1257) phong ông làm Đại-vương. Như thế thì lúc đầu chỉ vì thiêng mà thờ, chứ không phải vì có công; sau mới có sắc phong của các đời vua, các lệnh-chỉ của chúa Trịnh tôn ông là « văn-tự chi tổ » và « văn-hiến chi tổ ».

Theo quyển *Sĩ-vương sự-lịch* (bản sao của Trương Bắc-cổ số A 426) thì ở phủ Thuận-thành có 11 xã thờ ông Sĩ-vương, trong có 4 xã có sắc của các đời vua

phong ông làm thượng-đẳng-thần đại-vương, còn 7 xã thờ sắc sao: Đền chính ở xã Tam-á là nơi lăng mộ của ông, đền phụ ở xã Lũng-khe là phủ-trị và trường học của ông. Chỉ có hai làng ấy là được xuân-thu quốc-lễ (bếp theo, *Sĩ-vương sự-lịch*, tờ 17 b, 20 b và 27 b) và dân hai làng ấy được trừ lính để lấy phu tòng nom và quét dọn đền thờ. Hiện đền Tam-á đã ghi vào sổ danh-làm thắng-lịch của Trương Bắc-cổ trông nom. Nay theo chính-sử chép sự: tích ông Sĩ-Nhiếp như sau:

Tên tự là Ngạn-oai, người huyện Quảng-tín, quận Thương-ngô. Tiên-tổ vốn là người Văn-dương nước Lỗ, khi loạn Vương-Mãng (8-22 sau T. C.) tránh sang Giao-chỉ. Đến cha Sĩ-Nhiếp là Sĩ-Tử, tỉnh được sáu đời; Sĩ-Tử làm thái-thủ Nhật-nam đời Hoàn-đế (147-167) nhà Hán.

Sĩ-Nhiếp lúc nhỏ trợ học ở kinh-sư bên Tàu, theo học Đinh-xuyên Lưu tử-Kỳ, chuyên trị *Tả-thị Xuân-thu*, thi đỗ hiệu-liêm, bổ chức thượng-thư-lang; vì việc công bị tội mất quan. Sau khi hết tang cha, lại đi thi, đỗ Mậu-tài bổ làm quan lệnh ở Vũ-dương. Đến năm Trung-bình thứ tư (187) đời Hán Linh-đế, được bổ thái-thủ Giao-chỉ. Năm ấy ông Lý-Tiến, là người nước Nam, làm thứ-sử Giao-chỉ.

Cách đây ít lâu, thứ-sử là Chu-Phù, thường đem người làng cho làm chức trưởng-lai, phần nhiều

bóc lột của dân: nhân-dân oán, cất quân đánh hãm-chiếm quận. Chu-Phù chạy ra bề bị giết. Vua nhà Hán mới cho Trương-Tân làm thứ-sử Giao-chỉ (201 sau T. C.). Đến năm 203 nhà Hán đặt Giao-chỉ làm Giao châu.

Khi Chu-Phù bị giết, châu quận rối loạn; Sĩ-Nhiếp bèn cử em là Sĩ-Nhất làm thái-thủ Hợp-phố, em thứ ba là Sĩ-Vĩ, nguyên chức lệnh Từ-văn, làm thái-tử Cửu-châu, em Vĩ là Vũ làm thái-thủ Nam-hải.

Sĩ-Nhiếp là người thê-khi khoan-hậu, khiêm-tốn và cung kính cả những người học-trò kém mình. Học-trò bên châu phần nhiều sang theo. Lại là người ham học *Xuân-thu*, có làm bài chú-giải-quyển sách ấy.

Năm định-hợi 207 sau T. C., hiệu Kiến-an thứ 12 đời Hán hiên-đế, Trần-quốc Viên-Huy ngụ ở Giao-châu, đưa thư chò thượng-thư-lệnh là Tuân-Quắc; trong thư có câu rằng: « Sĩ-phủ-quân ở Giao-chỉ đã là người học-vấn ưu-bác, lại giỏi làm việc quan. Ở trong thời đại-loạn, bảo toàn được một quận, hơn 20 năm bờ cõi không việc gì, dân không thất nghiệp, những bọn cơ-lữ (trốn loạn không có chỗ ở) đều được nhờ ơn. Đậu-Dung giữ Hà-tây cũng không hơn nổi. Việc quan hề được thư thả, thì đem sách ra nghiền ngẫm; đến *Xuân-thu tả-truyện* lại càng rèn luyện tinh-vi. Tôi thường hỏi những câu nghi-nghĩa trong sách, đều được cắt nghĩa rõ-ràng như lời thầy giảng, ý-lý rất kỹ. Lại kiêm thông sách *Thượng-thư*:

những nghĩa lớn xưa nay rõ cả. Nghe ở kinh-sử, có những học-thuyết tranh luận phải trái, ông muốn chép những nghĩa hay ở *Tả-thị* và *Thượng-thư* để dâng: ấy kiến-thức đáng kien như thế. Anh em ông đều làm thái-thủ các quận, hùng-trưởng một châu, ở xa muôn dặm, uy-tôn không ai hơn: khi đi đâu đều có hiệu chuông khánh, đủ ca-tỳ-nghi, kèn trống thổi sáo, xe ngựa đầy đường; người đi cạnh bán xe, đốt hương, thường có vài chục người. Vợ và nàng hầu đều ngồi kiệu, ngồi xe; con em đi theo đều có lính hầu ngựa cưỡi. Đường-thời quý trọng, bách man sợ phục, Triệu-úy-Đà cũng không bỏ nổi.

Sắp khi Chu-Phù chết nhà Hán sai Trương-Tân làm thứ-sử Giao Châu: Trương Tân sau lại bị tướng là Khu Cánh-giết. Khi ấy bên Tàu nhà Hán đã suy, sắp chia ra ba nước (tam quốc). Lưu Biểu giữ châu Kinh cũng muốn biệt lập ra một nước, nhưng không thành. Vì châu Kinh là nước Nam, cho nên Lưu Biểu sai người sang giữ, mới cử quan lệnh ở Linh-lăng là Lại Cung sang thay Trương Tân làm thứ-sử Giao-châu, cho Ngô Cự làm thái thú Thương Ngô, vì thái thú Thương Ngô là Sử Hoành mới chết. Ngô Cự và Lại-Cung cùng đi.

Vua nhà Hán nghe Trương-Tân chết, ban cho Sĩ Nhiếp bức thư đóng ấn ngọc tỷ, trong nói rằng: «Giao châu ở cõi xa xôi, phía nam giáp sông bể, trên không rõ rệt, nghĩa dưới

bị che lấp, ta biết nghịch tặc Lưu Biền đã sai Lại Cung sang dòm dòm đất Nam. Nay cho người làm chức Try nam tra g lang tướng coi cả bảy quận, vẫn lĩnh chức thái thú Giao chỉ như cũ.»

Sĩ Nhiếp sai thuộc lại là Trương-Mân sang kinh đô nhà Hán dâng cống g tước bấy giờ bên Tàu loạn lạc, đường xá nghẽn tắc: tể mà Sĩ-Nhiếp không bỏ đồ cống-hiến, không quên mệnh là平原太守 (Vua nhà Hán lại ban chiếu cho làm An viễn tướng-quân, phong tước Long-độ đình hầu.

Sau Lại Cung và Ngô-Cự không hòa nhau: Ngô Cự cử binh đuổi Cung chạy về Linh-lăng (chép theo *Khâm-định Việt sử*, quyển 2, tờ 29 a 32-a).

Năm canh-dần (210 sau T.C) hiệu Kiến-an thứ 15 nhà Hán, tức hiệu Hoàng-vũ thứ nhất nhà Ngô, mùa đông ti áng chạp chúa Ngô là Tôn-Quyền sai Bộ Chắt làm thứ-sử Giao Châu, đem một nghìn người vũ-sạ đi đường Pliên-ngung, sang ở ở làm quan (*Đại-Việt sử-ký tiền-biên*, quyển 4, tờ 1 a).

Năm tân-mão (211) Ngô Tôn Quyền phong Bộ-Chắt làm Trịnh nam trung-lang tướng. Lúc bấy giờ thái-thủ Thương-ngô là Ngô-Cự ở hai lòng. Bộ Chắt dò kéo xin tiếp-kiến, nhân chèm luôn Ngô-Cự đề làm biểu-lệnh.

Thấy thế anh em Sĩ-Nhiếp cùng đem nhau đến xin vâng theo quyền, tiết-độ (tức như kinh-lược) của Bộ-Chắt: Ngô-Quyền thăng cho Sĩ-Nhiếp chức tả-tướng quân; từ bấy giờ Linh-nam thuộc về Ngô Quyền.

Sĩ Nhiếp sai con là Khâm vào làm con tin ở nước Ngô. Ngô Quyền cho làm thái-thủ Vũ-xương; các con Sĩ Nhiếp và Sĩ-Nhất ở Giao châu, đều phong chức tru-ig-ang tướng. Sĩ-Nhiếp lại dụ được bọn Ung Khải là một họ hào hữu ở Ich-châu, đem nhân dân trong quận theo nhà Ngô: Ngô Quyền càng khe thêm, thăng cho Sĩ Nhiếp chức vệ tướng-quân, phong tước Long biên hầu, cho em Sĩ Nhiếp là Sĩ Nhất chức thán tướng quân, tước Đô-hoàng hầu.

Sĩ-Nhiếp mỗi lần sai sứ sang nhà Ngô, đều đem các thứ hương và sản nhỏ, kể có hà nghìn, những vật như ngọc minh châu, đại-bội, lưu li, thúy vũ, đồi-mồi, tê giốc, ngựa voi, và những quả lạ như chười li, dưa, lo-ig-ghân, không năm n là không có, Lại mỗi lần ngựa cống có hàng vài trăm đôi. Ngô-Quyền viết thư khen ngợi đáp lại.

Năm tnh-nh (276) hiệu Hoàng-vũ thứ 3 đời Ngô Quyền, hiệu Kiến-hưng thứ 4 đời Hán-Hậu-chủ, hiệu Hoàng-sơ thứ 7 nước Ngụy, Sĩ-Nhiếp mất, thọ 90 tuổi, làm thái-thủ quận Giao chỉ ngót 40 năm. Con là Sĩ-Huý tự nhận làm thái thú Giao-chỉ; sau Lã Đại dụ ra hàng, rồi giết di (chép theo *Đại-Việt sử-ký*, ngoại kỷ, quyển 4, tờ 1a-b).

(Còn nữa)
Ông học NGUYỄN VĂN TỌ

Du ký

INDRAPURA (Đông-Dương)

Số 4

Mãn-Khánh DƯƠNG-KỶ

Tặng bạn Võ-Mai

Có người bảo rằng người Chăm nung gạch thật cứng rồi mới xây lên không dùng vôi, nhưng đã dùng một thứ hồ, ý-hẳn là bằng nhựa ấy để gắn gạch lại với nhau. Đến rày, trải qua lâu đời, thứ hồ ấy lẽ tất nhiên là không còn nữa, nên tuy người ta đã cao trên gạch chằm đem ra thí nghiệm, phân-chắc để tìm cho ra thứ nhựa ấy là gì, nhưng vẫn không biết. Khi tháp đã xây xong, người Chăm mới chằm. Thuyết thứ hai này xem chừng có lý hơn. Nhưng nếu đã nung cứng gạch rồi, thì đường chằm đi xuyên hai viên gạch làm sao mà lại được liền-lăng như thế? Còn những viên gạch đã khô cứng thì làm sao mà khít sát nhau như thế được? Ông Tham D. bảo với chúng tôi rằng, người ta đã sai mãi chỗ môn bát viên gạch, mà không thể nào được khít-sát nhau như các gạch chằm đang nằm trong tháp.

Thế thì người Chăm đã dùng cách gì mà xây lên được những tháp đến, đẹp đẽ, kỳ dị như thế? Họ chú-trọng vào bề đẹp nhiều quá, mà xao-lãng bề bền-vững bề chuyên-môn. Vì thế nên dưới con mắt của một kiến trúc-sư thời nay, tháp chằm vẫn có nhiều chỗ-hở. Gạch to và ở cùng chồng nhau thành từng lớp ngang; những lớp ấy nhờ sức nặng của các lớp trên, của toàn thể tháp, nên được vững và ăn-nhau lắm. Nhưng đó là chỉ nói

chiều ngang, chứ chiều cao thì không được hưởng cái lợi ấy, nên vách phần nhiều dễ nứt, dễ ngã. Vả chẳng xây tường, họ thường xây hai lớp ngoài bằng gạch rất kiên-cố, chứ ở trong lại đặt những gạch không cứng bằng gạch ở ngoài. Rồi thì trong lúc toàn-thịnh dân Chăm luôn luôn canh giữ sẵn sóc-chăng nói gì, chứ từ khi họ bỏ, nước mưa gặp những chỗ nứt thấm dần vào làm mục gạch ở trong. Theo chiều gió, hoặc do chim đem đến, những hạt của mơn-nghin thứ cây được gieo vào các đường nứt ấy và đã gặp trong gạch thối hoi trên kia, những chỗ rất thuận tiện để nảy mộng, đâm chồi bén rễ. Thế rồi ngày đêm các cây ấy sinh-trưởng, đục-khoét lấy tháp, khoét từ trong tìm khoét ra, còn dây leo lại chằng-chịt trói buộc lấy tháp trong một thứ lưới, võ, cũng tai-hại nhưng chắc-chắn.

Vì thế nên, thấy những cây ấy ra sức phá hoại các tháp chằm tuyệt-mỹ, là dấu báo hiệu sợ rằng một ngày kia chẳng các tháp ấy không chịu nổi mà phải đổ, nhưng cũng không dám nghĩ đến việc chặt các cây kia. Vì chặt chúng đi thì các tháp sẽ sụp tức đồ tan-tành, như biết bao-nhiều tháp ở Đông-dương này mà gạch đá đang chồng-chất ngồn-ngang dưới chân chúng tôi.

V. Đến thăm ông Lộc-trường họ Trà.

Ông này tên là Trà Tiếp, tuổi gần bảy mươi, nhưng xem còn tráng-khiên. Ông niềm-nở tiếp chúng tôi.

— Thưa ông, nhấc đến xem tháp chằm, chúng tôi có mấy điều xin hỏi ông, mong ông sẵn lòng chỉ-giáo.

Ông Trà-Tiếp nghiêm-ngộ gãi nức áo,

— Ông họ Trà, thế là dòng-dõi người Chăm vậy ông có biết gì về các cụ xưa họ Trà, về gốc-tích họ cụ chàng? Nếu ông có thể cho chúng tôi xem gia-phả của họ ông, này-lm được điều gì thì quý hóa lắm...

— Gốc-tích của họ Trà chúng tôi ở «Nghệ an, Thừa-tuyên, Minh-linh phủ, Bảo-đơn xã» Đến Trần-triều có hai ông, tên là Chông và Đụn di cư vào đây, khai khẩn núi non rồi lập thành xã-hiệu.

Nói-xong, ông đi tìm bản gia-phả đưa cho chúng tôi xem. Tôi khắp-khởi mừng thầm chắc sẽ có được của quý; nhưng giờ ra thì thất-vọng ngay vì dặng chữ viết, nhất là giấy thì xem không xra lắm. Chữ hình vuông, viết nghiêng-nghiêng, bên trái hơi cao hơn bên mặt, giống như chữ tôi đã thấy trên công-văn đời Gia-long tại cuộc trưng-bày những tài-liệu về lịch-sử ở nhà Di-luân (Huế), năm ngoái.

Trong gia-phả chỉ là một dãy tên, ngoài ra không có điều gì cho ta biết rõ-ràng hơn về tổ tiên ông Trà-Tiếp. Đại để cũng giống như các điều ông Tiếp vừa mới thuật lại cho chúng tôi ở trên.

— Thưa ông, họ ông di-cư vào đây từ đời Trần, nhưng gia-phả này xem chừng như mới viết đây, ước hơn trăm năm. Vậy ông còn có tập nào nữa không?

— Theo lời cha tôi dạy lại thì hồi-trước gia-phả của họ chúng tôi dày lắm, và có kèm thêm nhiều giấy-má rất quan-hệ. Nhưng đời trước có một ông tộc-trưởng điên, đem đốt hết. Bản-này là do cổ tôi, nhớ đi ọc điều gì thì sao lại đó thôi.

Tôi mãn-mề tập gia-phả họ Trà trông tay.

Một ông tộc-trưởng điên?

Phải chăng là vì trong gia phả và giấy-má ấy có nhiều điều rất quan-hệ về người Chăm. Ông tộc-trưởng hồi ấy, còn chậm nhiều hơn ông này, không muốn lưu cho hậu-thế, nhất là cho người An-nam, những điều bí-mật của nước Chăm, nên đã đem đốt hết? Rồi sau này con cháu không hiểu lại bảo là ông điên.

Họ Trà gốc-tích ở Nghệ-an?

Ông Chông và ông Đụn phải chăng là người Việt từ Nghệ-an vào đây thực. Dưới triều Trần, Chiêm-Việt giao-hảo với nhau; Chiêm-vương Simhavarman cưới Huyền-Trần công-chúa, thì người Việt, như ông Chông và ông Đụn, vào đây, lấy một chiêm-nữ họ Trà là việc có thể được. Rồi người Chiêm-thành theo chế-độ mẫu-hệ, nên con cháu lấy họ mẹ là họ Trà còn họ Việt (Nguyễn, Trần, Hồ, gì đó) thì bỏ đi. Vì vậy nên này tuy không mang họ An-nam, mà các ông họ Trà ấy lại tin rằng mình vẫn người An-nam từ Nghệ-an di cư vào....

Tôi mãi triền-miên suy-nghĩ thì ông Trà-Tiếp hỏi:

— Ông bảo tôi người Chăm. Theo ông thì tôi tên là gì?

Cách đây 470 năm có dòng họ Trà làm vua ở nước Chiêm-thành. Chiêm-vương ấy người mình gọi là

Thông chế Pétain

đã nói :

« Cá-nhân chỉ tồn tại vì gia-đình, vì xã-hội, vì Tổ-quốc mà chính họ vừa ra đời đã được hưởng-thụ đủ mọi cách thuận-tiện để sinh-hoạt ».

Trà-Toàn, em là Thi-Nại. Vậy có lẽ ông là giòng-dối họ Trà ấy. Tuy vậy, cách đặt tên họ ở Chiêm-thành rất khác ta, và khi ta viết sang chữ Hán tên Chiêm thì cũng viết sai đi nhiều lắm. Và lại, người Chăm tuy thường kết hôn với bà con cùng một họ, (1) nhưng cũng có thể lấy người họ khác. Rồi do đó ta có thể nói rằng họ của con cháu ông Chông ông Đụn cũng đổi nhiều lần. Vì vậy, vấn-đề này khó giải-quết lắm chứ không dung-dị như tôi mới thưa cùng ông.

Ông Trà-Tiếp vuốt râu, cặp mắt mơ-mộng.

— Thưa ông, ông ở đây đã lâu có biết điều gì ở các tháp tại làng Đồng-dương này không?

— Đời trước ở đó là một đồng gạch to lớn, do các tháp đồ gầy nên, dân-gian thường đến tìm vàng và bảo-vật. Chính tôi có tìm được một cái tượng Phật bằng đồng to và cao như cháu này (ông vừa nói vừa chỉ cho chúng tôi một cậu bé ước 9, 10 tuổi đang trở mặt đứng nhìn). Nhưng sau có ông « bác-vật » về lấy đi. Về chuyện các tháp đồ cha tôi có thuật lại rằng, khi tháp Tối sập, thì nghe ở một cái thạp to, chính dưới phủ

cách đây 40 cây-số, người ta cũng nghe được tiếng ở ấy. Việc ấy xảy ra năm Ty, cách đây ước chừng trăm năm.

— Gì Ty?

— Tôi không rõ, chỉ nghe nói lại năm Ty thôi. Hồi năm trước có ông « bác-vật » về ở đây, đào gạch và tìm được rất nhiều tượng Phật.

Chẳng có điều gì hỏi thêm nữa, chúng tôi cảm ơn và cáo từ ông Trà-Tiếp. Ông tiễn chúng tôi một đoạn xa, trước khi chia tay, không quên hỏi:

— Thế thì tôi là dòng-dối hoàng-phái nước Chiêm-thành?

— Nói theo người Việt-Nam ta thì có lẽ ông là con cháu ngoại của họ Trà, làm vua ở nước Chiêm-thành đời trước.

Trong cặp mắt mơ-màng suy-nghĩ của ông tộc-trưởng họ Trà, hình như đã thoáng qua trong giây lát, những thời kỳ oanh liệt bị đi của giòng dân Hời.

VI. — Đồng-dương tại nhà Bảo-tàng Parmentier

Như trên kia tôi đã nói, phần nhiều những tượng thần, tượng phật, cái gì có thể đem đi được thì người ta có đem chưng bày tại nhà Bảo-tàng Parmentier ở Hà-n, trong một căn phòng dành riêng cho Đồng-dương.

Bước qua khỏi cửa, một bộ đá đồ-sộ làm cho ta phải chú-ý đến ngay. Chung-quanh bộ đều chạm tỉ-mỉ; góc phía trước và hai bên tả, hữu có chạm bức cấp và những tấm bảng, bích nào cũng ăn vào giữa những kiểu trang sức tuyệt-mỹ. Nhưng đẹp hơn nữa là các cảnh chạm trên những bảng ấy.

Đây: một bả hoàng nhân-du, nghiêm-chính trên cái kiệu...; đây: (Xem tiếp trang 14)

Tiên-sinh vốn là một nhà khảo cổ, lại rất tinh về sử - học, cho nên đã nghĩ ra làm ý kiến rất sáng-suốt về sự loài người ta tuần-tự khai-hóa; những ý kiến ấy kể ra cho hết, thì khá nhiều, nay xin thử lược một đoạn như sau này: (trang 301-314):

Cứ Tiên-sinh đã xét ra, thì việc con người ta, trí-thức rất gần-dĩ ứng hành về một sự vật phức-phức, tách ra có ba việc: 1 là) trông đại khái lơ-mờ tất cả; 2 là) trông rõ các phần nhỏ riêng-ra; 3 là) gom-góp lại cả mà biết tổ tác phân-tử; tinh-thần giống người ta tiến-bành cũng quá ba nơi quai-g-cảnh có thể dùng ba cái danh-từ là 'tóm đại cương' (syncretisme), 'phân khảo' (analyse), 'hợp cứu' (synthèse), tương-đối với ba đoạn kia trong việc trí-tri.

Tinh-thần của nhân-loại về thừa xra, người ta thường tưởng là hồi đơn-sơ thế mà lại là hồi hỗn-tạp, hỗn-mang. Ở nơi quai-g-cảnh thứ nhất của tinh-thần giống người phát hiện ra, có thứ sách thánh. Xin hãy lấy các pho sách kinh thánh của những dân-tộc đời cổ mà xem, trong ấy có những gì? Tất cả cuộc sinh-hoạt siêu-linh, tất cả tâm-lòng của một nước, như là thương-giới quốc-túy. Yán-thơ cả nước ở đó, kỷ-niệm các vị anh-hùng trong nước ở đó; luật-pháp, chính-trị, luân-lý cả nước ở đó, quốc-sử ở đó, triết-lý, cách-trí cả nước ở đó; tóm lại, tôn-giáo cả nước ở đó.

Trong quang-cảnh thứ nhất ấy, giống người ta tư-tưởng chỉ nom thấy có một thế-giới mà thôi; đến hồi thứ hai, thì tư-tưởng thấy có hàng nghìn thế-giới, hay là trong

sự-vật gì cũng thấy một thế-giới. Con mắt không nom rộng-rãi trông xuôi-sâu xuống, không nom về chiều ngang bằng, nhưng nom về chiều dọc xuống, không bỏ-vơ lạc-lối ở nơi chân-giới bao-la man-mác vô cùng, chỉ đứng yên ở trên nơi lục địa, ở nơi đích-thân mà thôi. Ấy là đến hồi quan-sát từng phần nhỏ chân-thực, có chuẩn-dịch, có phân-biệt, con người ta không lẫn-tác, làm ra mới-mẻ nữa, con người ta phân-cứu khỏi tư-tưởng, chia-ra từng miếng, từng mảnh.

Trong hồi tóm đại-cương thì tất cả những tài-liệu chồng-chất không phân-biệt rõ-ràng như việc phân-cứu không có vẻ hợp-nhất đẹp-đẽ bởi sự hợp-cứu hoàn-toàn mà gây nên. Chỉ đến hồi thứ hai, thì các phần-tử mới vạch ra minh-bạch, mà phải thử nhận có thiệt về dạng, hợp-nhất, về thừa-xa-linh-như đã phát-hiện được cái vẻ hợp-nhất ấy. Đến hồi sau thì là con số đa, con số phân-nó hiện ra, cho đến hồi hợp-cứu thì lại gom-góp các phần-tử trở-trọi lại, mỗi phần đã ở riêng sinh-hoạt rồi lại chung-đức lập hành-động hợp-nhất cao-thượng vậy.

Cứu kỷ thực, thì phép-tắc nhơn-nhào ấy không phải chỉ là điều luật trí-tuệ của-giống người ta mà thôi đâu, một cái mầm khởi-tiên hợp đủ toàn-thể, có các phần-tử, sinh-trưởng tuần-tự mà nhơn lên, mỗi phần tiến-bành riêng phần ấy, đến sau vì sự tiến-bành riêng thế mà lại hợp-nhất, phàm chủng sinh đều tuân phép ấy cả. Chỉ có một cái mầm mà chứa sẵn đủ năng-lực cả toàn-thể của muôn-sinh sẽ có ngày thành-thân, cái mầm này ra gây hình-dạng-dạng hợp-qui-cử,

« MÊU-LAI ÁCH-TRÍ »

(L'AVENIR ILA SCIENCE)

của REN TIÊN-SINH

Số 2

năng-lực trước còn chứa sẵn ấy, sau thành sự thực, nhưng không có chất gì tàn-tác, chẳng có chút gì thêm mới vào đấy. Renan tiên-sinh đã thường mượn câu thí dụ này để bày-tỏ ý-kiến kia, có hiệu-nghệ, là một sức sợi gai đồng-chất, người ta kéo riêng ra từng giây nhỏ một, cả sức gai ấy là sự tóm đại-cương, tất cả bản tính thiên-nhiên có lẫn-lộn cùng ở đấy, những giây nhỏ là công-việc phân-khảo. Nếu mà thí-dụ những giây nhỏ tách riêng ra rồi sẽ chập lại để làm nên một đoạn giây to, ấy là sự hợp-cứu, so với sự tóm đại-cương hồi sơ khởi có khác là những phần-tử dù kết cả làm một khối, nhưng vẫn phân-tách riêng từng phần một.

Tiên-sinh đặt ra một điều giả-thuyết ấy không có ý-tưởng đây là một nhời đạo-lý bất-dịch gì, nhưng chỉ coi-như bài ca trường-thiến về muôn vật có phép-tắc mà thôi, những qui-cử của tạo vật cũng không khác gì vậy. Con số hợp-nhất khởi-tiên không hoạt-dộng, vì có hoạt-dộng ắt phải có sự phân-tách các phần nhỏ tương-đối. Cuộc sinh-hoạt hồi ấy tuy có, mà cũng như không vậy, bởi chẳng có cái gì phân-tách ra; tất cả toàn-thể ở đấy, không thấy biệt-nhất-cá-nào, mà cũng không thấy sinh-hoạt ở riêng.

Thịnh-quang ĐỖ THỨC

Cuộc đời chỉ khởi đầu từ hồi con số hợp-nhất tới-tầm lơ-mờ kia mới mang-ra thành cái số đa, thành vũ-tụ. Nhưng con số hợp-nhất cũng không phải là hình-thức đầy-dủ; sự hợp-nhất ở đấy không rõ-ràng. Cố tinh-thần, thì lại trở về cuộc hợp-nhất, vì cái tinh-thần ấy chỉ là một mối kết quả duy-nhất của số nhiều tài-liệu tạp-phức mà thôi.

Ý-kiến của Renan đã bày ra nay lược qua đây, cũng thấy đặc-sắc thâm-thúy của nhà triết-học, ham cách-vật trí-tri.

Trong quyển sách của tiên-sinh, mà nay ta đem ra xem xét, có ít đoạn bày-giải ra về cũ kỹ vì thời-sự có thay đổi, nhưng còn lắm khúc này còn có thể bỏ-ích cho việc khai-trí, tiến-đức, còn có thể giúp-dỡ cho sự tập-luyện tinh-thần con người ta, vì tiên-sinh đã quan-sát sự-vật về phương-diện loại người, mà phân-đoán như thế thì có ý công-minh. Tiên-sinh đã viết:

« Một món tâm-tinh đẹp có giá-trị bằng một mối tư-tưởng đẹp, một mối tư-tưởng đẹp cũng bằng một sự-nghệp đẹp, một lý-thuyết về triết-học đáng giá bằng một bài thơ, một bài thơ bằng một việc phật-minh về khoa-học, một đời

người cần-cù về khoa-học bằng một đời đạo-đức vậy. Nhân vật hoàn-toàn có nhẽ là vị nào kiêm đủ tài-thơ, tài-triết-lý, tài-khoa-học với đức-hạnh, mà không phải chỉ thỉnh-thoảng có từng lúc; giản-đoạn (nếu thế, chỉ là hạng tầm-thường mà thôi), nhưng có trí-tuệ sáng-suốt thâm-trầm, suốt cả đời lúc nào cũng vậy; khi triết-lý thời vui-t, khi làm-việc cách trí-khoa-học thì triết-lý, tóm một nhời là người ấy có đủ tài-liệu về nhân-quần gom-góp làm một mối điều-hòa cao-thượng cũng như trong cõi người ta vậy. Đương thời buổi chúng ta nay, hay khảo-cứu chi-li tí-mỉ, có nơi như ở-diêm, vì thế không thể làm được việc duy-nhất cao-siêu ấy; cuộc đời trở nên một nghề, một sự-nghệp, phải phò-trương cái danh-hiệu là người làm sự, thì-nhân, là người thợ khéo, hay là người chuyên khoa-học, lập thành một thế-giới con-con ở riêng, không hiểu chi đến những công-việc khác nữa, thường thường lại coi những việc khác-kia như không vậy. Đây là một sự cần-thiết của tinh-thần nhân-quần ta hiện nay, không có thể tưởng đến sự chối-cãi rằng không, nhưng ta phải nhận thật rằng lối hoạt-dộng ấy đầu-ràng vì sự cần-thiết mà dung-thức được, nhưng có trái-ngược với thế-thống của giống người ta, với sự hoàn-hảo của cá-nhân » (trang 11).

Tiên-sinh nghĩ thế, khiến ta phải lo-ngại cho con người ta. Nhưng vì các khoa-học mở-mang một cách mau chóng, rất phiến-

phức ở thế-kỷ này, một-người mà muốn am-hiếu tất cả bao nhiêu chi-phải cách-vật trí-tri thì là sự không thể làm được. Vì thế, có các nhà chuyên-môn để cho biết được tinh-vi khu-vực của mình, còn hơn ăm-dặm biết nhiều khoa-học mà chỉ biết hàm-hồ, như thế có nhẽ vô-bổ cho sự nhân-quần tiến-bộ về đường tinh-thần chẳng? Nhưng là không nên học mớ này mà-chê mớ kia vô-vị; nhả, văn-sĩ mơ-mường phảng-phất không nên giễu-cợt nhà toán-học đo-lường từng-tỉ từng-li hay là người chuyên môn về sinh-lý-học, nghiên-cứu lâu-thần, nuôi vi-trùng trong những lọ kia. Tất cả những ngời dụng trí mà làm việc, tuy công-trình tiến-bành theo đuổi mục-dịch khác nhau, nhưng nút-cọc như cùng một nhà.

Đầu chỉ chuyên-về một công-việc gì trong khu-vực khoa-học, con người ta cũng phải theo cái bản-tính thiên-nhiên mà đã có lúc nghĩ vượt ngoài khu-vực chật hẹp ấy. Vì sao? Tiên-sinh đã giải-nhời rằng: « Con người là đứng trước vũ-trụ mà cứ lãnh-đạm không thể được, khi đã tư-tưởng thì tìm kiếm, tự đặt ra những bài toán dở-rồi tính-toán cho ra mỗi-mảnh, phải có một lý-thuyết về thế-giới, về bản-thân về nhân-nguyên, về căn-bản của mình, về sự kết-cục đời mình. Người ta không sẵn những tài-liệu cần dùng để đáp lại những câu vấn đề tự mình hỏi mình; có hề chi. Thời kỳ tự ý riêng mà bày đặt ra để bỏ vào những điếm-khuyết ấy. Bởi vậy, có những sự-cung-kính cơ-sơ là những bài giải-quyết làm thời một vấu-đề cần phải nhiều thế-kỷ lâu dài mới tính

(Xem tiếp trang 21)

INDRAPURA...

(Tiếp theo trang 11)

một vị vua ngồi xếp bàn tròn trên lưng ngựa, đem theo ít người tùy-túng đi nhàn lãm...; đây: những đạo quân ô-ạt, có voi đi kèm, ngất - nghiêng trên bàn voi là những chiến-sĩ vạm-vỡ, đương những cây cung to hơn người...; đây: những thiếu nữ mơ-màng dưới bóng cù-thụ...; đây: những nhạc-sĩ, say - sưa, nghiêng - ngửa trong khúc-điệu của mấy cây đàn to-lớn...; đây: trong cung - điện huy-hoàng vua đang thủ-thỉ cùng cung - nga mỹ nữ...; đây: hai đoàn thiếu-nữ, thần-bình mảnh-dẻ, lưng ong, ngực nở, vú tròn, đang gặp nhau và trò-chuyện... v. v. (2)

Trên bệ đá ấy, một tượng thần Civa đang mỉm cười, phếch hàng râu mép thanh-thanh, và mở ba con mắt: một con ở giữa trán. Civa này ngồi kiểu cha-và: tay phải ôm đầu gối của chân, phải dựng cao, tay trái nằm thanh gươm rất ngắn, kê trên đầu gối của chân dể nằm. Mình đánh trần, hai chân quấn một cái khăn, đầu đội mũ « mukata » hai tầng, cổ

đính vào ba hình lá mít chạm rất tỉ-mỉ, phía sau đầu nở một đóa cúc to, hai tai cũng đeo hai hoa cúc. Đỡ Civa là một bệ đá nhỏ (kê trên bệ đá lớn nói trên kia) hình khối-vuông, bốn phía có chạm đầu sư tử nhe răng trợn mắt.

Khít tường, sau lưng Civa ấy, đứng một thần Civa khác tay trái nắm thanh gươm gãy chỉ còn chuôi, hình tuy cũng dề trần, nhưng có mang thêm một cái nịt giữa bụng, một miếng hộ-tâm hình quả tim và hai cái lon hai bên vai: lon, nịt, hộ tâm đều chạm theo kiểu trang-sức chạm, nghĩa là những nụ nhỏ nhỏ, trợn lẫn trong những đường giây xoắn-xít.

Hai bên kệ, khít tường, mỗi bên một ông Hộ-pháp (Dvarāpala) bằng đá, to hơn hai người thường, đang dề hẹp, một con bò dưới chân, và đang đánh nhau với một chiến sĩ nhỏ nhỏ từ trong miệng bò hùng-hỗ chun ra. Hộ - pháp, tay phải sử-dụng một thứ binh khí khó nhận rõ, tay trái giữ lấy ngực, trợn hai con mắt tròn xoe dề đôi lông mày rậm giao nhau trên mũi hếch, há miệng, nghiêng răng làm lộ hai nanh lớn của hàm trên, và uốn cong bộ râu mép. Vì dùng sức quá hăng nên mình hơi lao về trước, và, dưới cằm, bốn sợi gân cổ kéo da, nổi cao trên thịt.

Có lẽ dể cho tiện việc chiến đấu, nên Hộ-pháp đánh trần tròng-trọc, chỉ mang cổ mỗi một cái khăn ngắn có sọc, phía dưới lại thêu những đường sọc nhỏ hơn. Một cái mũ « mukata » giống như mũ của Civa, dựng không hết tóc, nên một ít lông vùng-vàng trên hai vai. Đồ trang-sức thì có: vòng,

cổ tay, vòng cổ chân, và nịt cùng giây - choàng chạm thành rắn bả đầu góc thẳng.

Trước bệ thần Civa, kê sát vào hai tường tả hữu hai bên có hai bệ cũng bằng đá, cũng chạm trổ rất tỉ-mỉ công phu.

Một tượng Phật không-lỗ ngồi trên kệ bên phải. Tôi chưa thấy một tượng nào « sống » như tượng này, mặc dầu đã mất đầu, chỉ còn cái cổ gãy lổm - chổm. Trước nó, ta thấy hồi-hồi cảm-động. Mấy lớp nhau của áo cà-sa khỏa-từ trên vai trái (vai mặt dề trần) hình như khe-khe động trên ngực, theo nhịp đập của quả tim đại-từ đại-bi; rồi phủ hai đầu gối, rũ xuống thâu cổ chân; đến đây, hình như theo chiều một cơn gió phieu - diêu, mảnh cà-sa hơi tạt về một bên. Hai bàn tay ôm hai đầu gối, nẩy ngón móng cắt cụt đương mân-mê và se-se ấn xuống vải của cà-sa. Đầu gãy, thực là một điều đáng tiếc vì nhà nghệ-sĩ đã làm cho ta hồi-hồi trước mười ngón tay ấy, trước những đường xếp của mảnh áo cà-sa linh - động

Đã có bán

TRÔNG GIÒNG SÔNG VỊ

(Van-chương và thần thế
Trần tế Xương)

Một kiệt tác của

TRẦN THANH MẠI

Kỳ tại bán này tác-giả đã
dày công sửa chữa.

Sách ngót 200 trang. Giá 1\$90

Nhà xuất bản TAN-VIỆT

79, LA BLOI - Paris

Đón coi

Tác phẩm viết công phu nhất
của NGUYỄN TUÂN

QUÊ HƯƠNG

Hơn 500 trang. In đẹp

Bản thường: 5\$00

Giấy quý: 20\$00.

Nhà xuất bản

Anh Hoa

69 Rue de Charbon-Hañoi

trên ngực, thoi-thóp trước bụng, uyển-chuyển dưới chân như thế, thì chắc cũng đã gói lại được trong đó một gương mặt đầy vẻ tươi sống, nhàn-từ của Phật.

Bộ của tượng Phật cũng chạm tinh-tường và đẹp - dễ như bộ của tượng Giva; có một điều khác nhau đáng chú ý là dưới chân Phật, có những bức chạm hai người chấp tay cầu - nguyện trên đầu những con sư-tử.

Đối diện với tượng Phật, phía trái, là một cái kệ Ritré, cách chạm-tổ cũng giống hai kệ trên; nhưng tại kệ thứ ba này, xen lộn vào các băng chạm cảnh, người, có những băng chạm sư-tử. Trong các băng chạm cảnh, người, ta cũng nhận thấy vua đi chơi, ngồi xếp bàn tròn trên lưng ngựa, vua ở trong điện với cung-ngà mỹ-nữ. Từ trung có băng chạm đồng người ngồi trên những cái đòn thấp, ý - hẳn là đang bắn-bạc một điều gì quan trọng.

Trên kệ thứ ba này, bốn người hàng đá, tóc xoắn trên vai sắp hàng ngang nhau, đang vừa chạy thục nhanh với đội một cái khay này đã sút mẻ. Người chạy ở ngoài liệt, thì ta mới thấy được toàn thân-thể, chứ người thứ hai và thứ ba thì chỉ thấy gương mặt thôi: sống mũi cao, vành trán thông-minh; còn người thứ tư thì lút đầu trong đá, nghệ-sĩ không chạm đến, chỉ để cho ta ý-hội thôi. Sở dĩ tôi biết bốn người là vì cách chạm ba gương mặt chồng nhau, nhỏ lẫn và lút dần trong đá, làm cho tôi tưởng tượng sau ba người này còn có thêm người nữa; rồi đến gần đếm thì thấy tám cánh tay đang

ổ sức bời trong không-khí, như muốn bay - bỏ tay chuỗi về đằng trước, bốn tay chuỗi về đằng sau

Trước khi ra đi, theo lời mời của người canh cửa Bảo-tàng, đến ký trên cuốn sổ đề tại phòng Đồng-drong ấy, tôi không khỏi tấm-tắc khen thắm các nghệ-sĩ Hời.

Trước cảnh thiên-nhiên, trời kiêu-mẫu là các Cầm-nữ vô cùng kiêu-diễm, nghệ-sĩ ấy đã rung-động một cách sâu-sa; họ đã đề lại trên đá những tác-phẩm bất-hủ.

Đến nay, tuy trải qua bao nhiêu lớp bề-dầu, những tượng, bức chạm, đã bị phá, đổ, gãy, mẻ nhiều nơi, nhưng cũng không phải vì thế mà bớt đẹp, trái lại, từ tượng Phật to-lớn cho đến các con-người bằng đá nhỏ-nhỏ, có kẻ không lo quá ngồn tay cái người lớn, vẫn « sống », vẫn hoạt-động, vẫn làm cho người xem cảm-động bồi-hồi, đi không muốn dứt.

Mãi vậy, dù cho đến hôm nay, Chăm cuối-cùng đã thờ bời cuối cùng trong lúc nhà sản-quanh-hiêu, sắp nát, thì dân-tộc Chăm-thành vẫn số còn sống, còn mãi-mãi sống trong những tác-phẩm mà tại đó họ đã gói lại bao-nhiều nhịp rung-động của quả tim, bao nhiều tình-thần nghệ-thuật.

(Hết)

MÃN-KHÁNH DƯƠNG KÝ

1) Xem Histoire de Champi của Maspéro, trang 17, chú thích 5.

2) Có người bảo rằng các lễ chạm này kể sự-thời của Hoàng tử Siddhartha (Phật Thích-ca khi còn làm Hoàng tử).

Giá báo

Mỗi số	0 \$ 30
1 năm	12 00
6 tháng	6 50
3 tháng	3 50

Công số giá gấp đôi
Mua báo xin gửi tiền trước

Sách của

Nhật-Nham TRỊNH-NHƯ-TÀU

a) Đã được Hội-Đồng duyệt sách cho dùng trong các Học Đường Đông Pháp

1) Trịnh-gia Chính Phả	Giá cũ 0 \$ 40
2) Gương Luân Lý (hết)	
3) Hưng yên địa chí, (hết)	
4) Bắc giang địa-chỉ đ. 28 trang, có bản đồ, phụ đính	Giá cũ 1 \$ 50
b) Vị tiền. (Xã-hội tiền-thuyết)	0 \$ 25
Hoa xưa ong cũ. (Hài-kịch)	0 \$ 30
Từ Hanoi đến Hồ Ba Bể (tu-kỳ)	2 \$ 00

Có bán tại các hiệu sách năm xưa và tại địa-chỉ lạc-giã:

Nhật-nham TRỊNH-NHƯ-TÀU

Tham-tá phủ Thống sứ Bắc-kỳ

hay biên-lập-viên báo Tri Tân 95-97 Rue Chancéaulme Hanoi

« Sử-học luận-dàn »

NGÔ-THÌ-NHẬM,

vua QUANG-TRUNG thời bình

(Tiếp theo)

của SÔNG-BÀNG

Kỷ hết sức tán thành cho Nhậm. Và, tỏ ra là người có đôi mắt tinh đời, Bắc-bình vương không những biệt-dãi Nhậm còn vui mừng tuyên-bố: « Chúa Trịnh không biết dùng người, thật đã phí mất một nhân-tài. Có lẽ trời dành riêng người này cho ta. Ta phải giao cho hắn một trọng-nhậm để khỏi uổng mất tài của hắn ».

Liền đó Bắc-bình-vương sai thảo chỉ, phong Nhậm làm Lại-bộ tả-thứ lang, tước Tĩnh phái hầu và cho-phép Nhậm-tiến dẫn nhân-tài Bắc-hà ra làm quan như thị-trung ngự-sử Phan Huy Ích, hiệp-biện đại học-sĩ Nguyễn thế-Lịch Nguyễn bá-Lan v. v.

Cảm-kích về cách ưu-dãi của Bắc-bình vương, Ngô-thì-Nhậm đem hết tài an bang lễ thế ra phụng-sự chủ mới, Có thể nói là Nhậm đã dọn đường cho Bắc-bình vương chiến-thắng 20 vạn quân Tôn Sĩ-Nghị, và, khi công việc của chiến sĩ Nguyễn Huệ tạm ngừng, thì chính nhà cai-trị Ngô thì-Nhậm đã hàn gắn lại những vết thương quốc-gia.

Tuy Nhậm và một số đồng bạn đồng-hiệu thần-phục Nguyễn Huệ, nhưng cũng còn rất nhiều Lê thần vẫn cố giữ sĩ-khí đến phút cuối cùng, nghĩa là hy-sinh tính-mệnh để bảo toàn tiết tháo.

Triều-đình yếu-ớt nhà Lê đồ hẩn. Rồi, chịu bao nhiêu nỗi khổ-cực trong lúc lang-bạt khắp đó đây, vua Lê Chiêu-Thống mất hết định kiến, đành phải « bám lấy viên Lưỡng Quảng Tổng-đốc nhà Thanh là Tôn Sĩ Nghị ».

Nghị lợi dụng cơ-hội tốt xin vua Càn-long cho mình đề binh thôn-tính nước Việt Nam, đặt làm quận, huyện của Tàu. Ý muốn mở rộng cương-thổ về-phía Nam khiến vua Càn-long ưng-thuận, sai Tôn Sĩ-Nghị chia quân Lưỡng Quảng và Vân, Quý làm 2 đạo sang An-nam. Lúc này đại đội binh-mã của Bắc-bình-vương Nguyễn Huệ đã lui vào Thuận-hóa. Việc quản-tự Bắc-hà, Vua giao cho 2 người là Đại-từ-mã Ngô văn-Sở và văn-Thần Ngô thì-Nhậm. Được tin quân Tàu kéo sang, Sở họp tất cả các quan lại trưng cầu ý-kiến.

Chưởng-phủ là Dụng bản nên giữ chắc các nơi hiểm-yếu rồi sẽ dùng lối mai-phục tổng công-kích địch quân, nhưng Ngô thì-Nhậm gạt đi và nói :

— Phép dùng binh chỉ có đánh với giữ. Người Tàu chuyển này sang đây thanh-thế lại to lắm. Quân ta nếu ra khỏi thành là bị dân-gian bắt giết ngay mà lính Bắc hà thì bề có cơ-hội là lần trốn. Mang hàng quân-lính ấy đánh giặc chẳng khác nào như đuổi 1 đàn dê đấu nhau

với hổ. Còn đóng cửa giữ thành thì lâu tất sinh biến dù có tướng giỏi như Tôn-Vũ, Ngô-Khởi cũng không sao ngăn cản được địch quân. Chúng ta lúc này thật chẳng khác gì con trạch trong giỏ cua, đánh cũng không xong mà chống cũng chẳng được. Chỉ còn một kế là thừa lúc địch-quân-chưa kéo đến, ta nên cho thủy quân tải lương ra bờ rút về Biện-sơn đóng đồn, lực quân thì lui về giữ núi Tam-diệp rồi sai quân vào Thuận-hóa cáo-cấp với chúa-công đề tâu Ngai định-liệu ».

Cho kế ấy là phải, Ngô văn-Sở mật truyền các tướng rút quân. Thế là công-nghiệp chiến thắng của Bắc-bình-vương phải xây bằng máu thì công-nghiệp của Ngô thì-Nhậm chỉ tóm-tắt trong ý-nghĩ. Vì rút quân về Tam-diệp có kỷ-luật, nên sau này Ngô văn-Sở và Ngô thì-Nhậm mới sẵn-sàng cung cho vua Quang-trung 1 đội quân dũng-mãnh.

Tài thao-lược của Nhậm, vua Quang-trung đã nhận thấy rõ rệt, nên khi kéo quân ở Thuận-hóa ra Tam-diệp, nắm chắc cuộc loàn-thắng Tôn Sĩ Nghị rồi, là vua niềm-nở bảo Nhậm :

— « Ta ra Bắc chuyển này là coi việc quân, đánh giữ thế nào đã có định-kiến. Chẳng qua chỉ trong mười ngày là đuổi xong quân Tàu. Nhưng nước nó lớn gấp 10 nước ta, sau khi bị thua tất nó lại đem quân sang đánh báo thù. Việc chiến-tranh sẽ không bao giờ hết. Vậy sau này chỉ nên dùng lời nói ngọt mà tránh việc can-quà. Nhiệm-vụ ấy ta giao cho nhà người. Chờ mười năm nữa, nước ta giàu mạnh thì có sợ gì nó ».

Quả nhiên chỉ trong vòng 5 ngày, quân Việt-Nam d rớt quyền chỉ-huy của vua Quang-trung đã khiến 20 vạn quân Tàu phải mang cái nhục chiến-bại về Trung-quốc. Nhưng, được mà vua Quang-trung vẫn không mừng. Rồi, tự liệu là nước Việt-Nam chẳng đủ lực-lượng để đối-trọi với Trung-quốc 1 cuộc chiến-tranh lâu dài, vua Quang-trung ủy Ngô thi-Nhậm, dùng lối ngoại-giao khiêm-nhượng mưu cuộc hòa hoãn.

Chính trong lúc thực hành đây đủ sứ mệnh, Ngô thi-Nhậm mới đem hết tài-hoa lỗi lạc, khước từ nhà Tây-sơn để cho ngôi sao chanh-trị của mình càng ngày càng rực-rỡ.

Theo thường lệ, kể từ đầu đời Đinh (968-979) đến cuối đời Hậu Lê (1533-1788), nước Việt-Nam tuy cũng có mấy lần đại thắng quân Tàu, nhưng cứ mỗi khi thắng trận, vua Việt-Nam lại nhũn nhặn tuyên-bố cùng Trung-quốc vừa thua trận là họ không thua và lại còn phải « sính-sứ » sang cống-hiến Bắc-triều.

Ở vào trường-hợp vua Quang-trung thì không thế. Là vì, mọi lần khác, vua Việt-Nam cầu-cạnh xin hòa thì lần này hòa-ngộ xuất ở Phúc Khang-An, tổng-đốc Lưỡng Quảng. Chính Phúc Khang-An đã ủy viên Thái-bình phân-phủ biên thư riêng cho Ngô thi-Nhậm yêu-cầu Nhậm xưng lên hòa-ngộ. Nhưng, đáng lẽ phải uốn mình tạ tội cùng Bắc-triều (như các triều đại trước) thì Ngô thi-Nhậm, với ngọn bút danh thép, đã tỏ ra không sợ-hãi gì Trung-quốc. Nhậm đã cứng-cỏi viết : « Nếu không may việc chiến-tranh kéo dài mãi thì chúng tôi sẽ chẳng giữ phận nước

nhỏ thờ nước lớn. Lúc ấy, muốn việc đều ở trời, chúng tôi không dám biết đến ».

Đọc những giòng này, Phúc Khang-An tuy phẫn-nộ nhưng vẫn phải nén lòng, cũng như vua Càn-Long, phải bỏ buộc giảng hòa. Bảo rằng Ngô thi-Nhậm là vua Quang-trung thời bình cũng không phải là quá đáng. Vì, Nhậm không những là nhà ngoại-giao khôn khéo biết « cứng » khi nào cần phải làm cho ng rỗi Tàu kính-nể nhưng cũng biết « mềm » khi nào muốn có một cuộc hòa hoãn. Lại nữa, sau khi đuổi được quân Tàu rồi vua Quang-trung quay về Phượng-hoàng tru g-đo việc nội-trị và ngoại-giao giao cả cho Ngô thi-Nhậm cũng như việc binh bị đều tin-cậy vào Ngô van-Sở thì cuộc giao-thiệp của Trung-quốc và nước Nam về đời Tây-sơn ở cả ta Ngô thi-Nhậm.

Nhậm khéo-léo trong cuộc dùng sức mạnh của ngòi bút khiến thanh thế nước Việt-nam đã lớn, càng lớn thêm. Do đó, từ bước tề-liệt ở cuối đời Lê Trung-hưng, nước Việt-nam ngang-nhiên « nhẩy » lên địa-vị hùng-cường khiến vua quan nhà Thanh phải nhìn ngó bằng con mắt e-dè, kiêng-nể. Việc vua Quang-trung xin bãi lệ cống người vàng mà vua Thanh Càn-long bỏ qua không hỏi đến nữa, kết-quả cũng là do ngòi bút Ngô thi-Nhậm một phần. Đã thế, nhờ ở tài ngoại-giao khéo-léo của Nhậm nên Bắc-triều không những đã phong vua Quang-trung làm An-nam quốc vương mà thời-thường còn sai sứ ban cho khi thì nhân-sâm, khi ngọc quý, quà-cáp nhiều không biết ngần nào. Vua Quang-trung xin tha thuế và mở đường thông thương ở Bình-thủy và Du-thôn, vua Càn-long cũng thuận cho.

Hơn thế, thên từ Trung-hoa lại còn khao-khát muốn thấy mặt vị anh hùng nước Nam đã đánh bại 20 vạn quân Tôn sĩ Ngột. Chẳng muốn làm mất lòng vua Tàu, vua Quang-trung chọn một người giống mình là Phạm Công Trĩ do các quan văn, vũ Ngô van-Sở, Đặng văn Chân, Phan Huy Ích, Võ danh-Tiểu, Nguyễn Tiến Lộc, Đỗ văn Công, Võ huy-Tấn, Vu văn Ích phù sang tận Bắc kinh. Ông vua già ấy được vua Càn-long đãi ngang hàng với các vị thân vương và được vào làm lễ « ôm gối » thiên tử nước Tàu. Đó là một ân điển từ trước-đến nay chưa vị phiên vương nào được hưởng.

Thực hành xong bổn phận trong việc ngoại-giao, Ngô thi-Nhậm mới yên tâm cải-cách chính thể nước Nam sau khi bị vâu xé bởi 2 họ Trịnh, Nguyễn.

Đề trừ diệt mầm phiến loạn, Nhậm chiêu dụ các quan văn vũ cựu thần nhà Lê ra làm quan với triều Tây-sơn. Lăn-luot Nhậm chỉnh-đôn lại việc học, cần người hiền lương, khuyến dân gian làm ruộng, sửa-sang lại chế-độ khoa-cử.

XIN CHÚ Ý

Nhà in, ty Trị-sự và tòa soạn Tri-Tân đều đã, giọn cả lên số nhà 95, 97 phố Chancéaulme Hanoi. Các bạn cần hỏi gì về tạp-chi xin hỏi :

Ô. NG. - T JONG PHUONG
chủ-nhiệm

và nhà in xin hỏi :

Ô. TRINH NHU-LUÂN
giám đốc

Ngoài công việc chánh-trị và ngoại-giao, Nhậm còn chuyên-chú tâm-lực vào việc soạn sách. Những cuốn: *Bút hải tùng đàm*, *Thủy văn nhân vinh*, *Kim mã hành dư*, *Hoa trĩnh gia ấn* v. v.

Nhậm không những đem hết tài hoa lỗi lạc khuông-phủ nhà Tây-sơn còn giúp vua Quang-trung dự bị đánh Tàu đòi lại Lưỡng Quảng bằng một tiếng nói có giá-trị là dùng sức của súng, đạn. Nhưng, trước sức mạnh của trời, ông vua vạn thắng ấy công-nhiên chịu phần liệt-bại Lâm bệnh chẳng bao lâu nhà vua thăng-hà (1792): món thừa-tự nà ngài để lại đã vượt lên trên sức cang đáng của con ngài là vua Cảnh-h-thịnh (1792-1802) lúc đó mới 10 tuổi kết cù nhà Tây-sơn (1788-1802) mất ngôi.

Và, khi vua Gia-long (1802-1820) lấy lại Bắc-hà thì Ngô thi-Nhậm về trí-sĩ đã lâu. Vì có chiếu Nguyễn Vương bắt các cựu thần Tây-sơn phải ra thú nên Ngô thi-Nhậm, Phan huy-Ích, Nguyễn gia-Phiên đều đến Thăng-long.

Theo *Đại Nam thực lục* thì bấy giờ vua Gia-long muốn gửi thư sang Trung-quốc cho quan Lưỡng Quảng Tổng-dốc nhà Thanh hỏi về thể lệ bang-giao nên đã phái lại bộ thiêm sự Lê chính-Lộ, binh bộ mệnh sự Trần minh-Nghĩa lên túc-trụ tại Nam quan. Nhà vua vin vào lễ nước mới khai-sáng muốn lên tận Nam-quan tiếp đón Thanh-sứ và làm lễ tuyên-phong đề tránh bớt phiền-phi, liền mang việc đó bởi ý-kiến Ngô thi-Nhậm và Phan huy-Ích. Cả 2 đều tâu rằng cớ lại quốc vương Việt Nam chưa từng thực-hành như vậy. Vua Gia-long mới thôi không có ý định trên nũa.

Theo đó chúng ta có thể nói rằng vua Gia-long rất trọng-dãi Ngô thi-Nhậm và Phan huy-Ích. Nhưng số-mệnh éo-le đã bắt Nhậm và Ích chết một cách bí-đát chỉ vì hồi còn làm quan dưới triều Tây-sơn Ngô thi-Nhậm đã khinh-bĩ 1 người. Người ấy là Đặng-Trần-Thường, quán làng Chương-dục, huyện Chương-mỹ, tỉnh Hà-dông, trước đây đã nhờ Nhậm tiến-cử cùng vua Quang-trung. Nhậm cho Thường vô tài, không lưu-ý đến. Thường bất bình, trốn vào miền Nam giúp Nguyễn-vương.

Thu phục xong Bắc-hà, Nguyễn-vương phong Nguyễn văn-Thành làm tổng-trấn Bắc-thành, Đặng trần-Thường làm phó. Lợi dụng địa-vị của mình, Thường nhỏ nhen nhắc lại việc cũ và kêu-căng đóc về đối:

« Ai công hầu, ai khanh tướng, trong trần ai, ai dễ biết ai ».

Cố - nhiên, Ngô thi - Nhậm không bao giờ chịu khuất trước một kẻ mà xưa kia Nhậm coi khinh nên Nhậm ung-dung đối lại:

« Thế Chiến-quốc, thế Xuân-thu, gặp thời-thế thế thời phải thế ».

Được dịp trả tư-thù, Đặng-Trần-Thường gửi ngay câu đòi đó vào Phú-xuân (Huế) và bịa thêm rằng Ngô thi-Nhậm không có chủ-ý gì về việc vua tôi, ai mại h thì theo, vua Gia-long dùng Nhậm tất có ngày di hại. Tin lời Đặng-Trần-Thường, vua Gia-long muốn làm nhục Ngô thi-Nhậm và Phan huy-Ích liền bắt cả 2 đến Văn-miếu giám phạt xuy (về tội đã theo Tây-sơn) mỗi người ba mươi roi. Để hả mối thù cũ, Đặng - Trần - Thường

truyền cho quân lính đánh thật đau: Ngô thi-Nhậm chết dưới ngọn roi, còn Phan huy-Ích về nhà điều-dưỡng được ít lâu cũng mất.

Ngô thi-Nhậm tuy bị chết thảm, nhưng sự-nghiệp bất hủ của Nhậm vẫn tồn-tại khắp giang-sơn Việt-Nam. Ngô thi-Nhậm — ông vua Quang Trung thời bình ấy — quả đã cải-cách nước Việt-Nam về đủ các phương-diện: kinh-tế, xã hội, chánh-trị và văn-học. Tiếc rằng những công-cuộc cải-cách ấy không được thực-hiện lâu dài, nên chưa có kết-quả mỹ mãn trong dân-gian. Tuy thế mặc dầu, những sáng-kiến siêu-việt do Nhậm phát-hiệu ra vẫn đáng để chúng ta ca-tụng.

Chúng ta lại còn nhận-chận rằng vua Quang-trung sở dĩ được vua quan Tàu mến phục không những vì võ công oanh-liệt của Ngài mà còn nhờ ở văn-nghiệp Ngô thi-Nhậm. Vì ở thời-dại nào cũng vậy, sau chiến-tranh, nhà chiến - sĩ thường nhường chỗ cho nhà cai-tự. Do đó, tiếng tăm Ngô thi-Nhậm mới vượt qua biên-giới, tràn lan sang cả nước Tàu. Hậu-thế chỉ biết ca tụng cuộc chiến thắng lẫy-lừng của vua Quang-trung, nhưng người cung cho nhà vua cái kết-quả mỹ-mãn là Ngô thi-Nhậm thì quên-chúng ít khi nhắc đến. Là vì nên Ngô thi-Nhậm không bàn cùng Ngô văn-Sở rút quân ở Bắc-thành về Tam-diệp (khi được tin Tôn sĩ-Nghị đem 20 vạn quân xâm-rộ sang xâm nước Việt Nam) để vài

hôm sau «Tiến» cho vua Quang-trung những đạo quân tinh-nhuệ thì biết đâu dân-gian Việt-nam lại tránh nổi vòng đồ thán, lăm than??? Công Ngô thi-Nhậm trong cuộc đăc-thắng độc nhất vô nhị ấy không phải là nhỏ mà, với ngọn bút cứng cáp, mạnh mẽ và sắc xảo, Ngô thi-Nhậm còn khiến vua, quan nhà Thanh công nhận rằng nước Nam bao giờ cũng sẵn nhân-tài. Chính Lưỡng Quảng Tổng-dốc Phúc Khang-An (sau cuộc thảm-bại của Tôn Sĩ-Nghị) cũng thành-thật tuyên-bố cùng viên Thái-bình phân-phủ: « Nam, Bắc giải việc binh-đạo, là phúc cho sinh-linh mà cũng may cho các quan ở biên-cảnh. Ta nghe nước Nam có Ngô thi-Nhậm là tay từ-hàn giỏi, các tờ bồi-giao-thiệp với nước ta đều ở tay ông ta. Ông nên viết thư riêng cho Ngô thi-Nhậm bảo ông xưng lên hòa-nghị, ta sẽ chủ-trương cho ».

Thế là, trái hẳn với các Triều Lý, Trần, Hậu Lê, lần này nước Việt-nam thắng trận đã tự độc những điều-kiện cho nước Tàu thua trận. Vì thế, nên suốt lịch-sử Việt-nam không thời-đại nào, vua, quan Trung-hoa trọng-dãi vua, quan nước Nam bằng đời Tây-sơn. Ngoài lễ « ôm gối » mà Thiên-tử Trung-hoa đặc-biệt ban cho giả-vương Việt-nam, vua Thanh Càn-lông-yuốn lấy lòng vua Quang-Trung thời-thường còn sai sứ báo cho Ngai biết bao nhiêu là quà-cáp.

Ngô thi-Nhậm đã đứng chủ-trương, cuộc bang-giao ấy bằng lời văn hùng-tráng trái hẳn văn tự yếu-ớt, ủy-mỹ đời Lê. Rồi, trong lúc các nhà nho còi văn nôm là văn tiêu-khiến không đáng kể thì Ngô thi-Nhậm đã cùng Phan buy-Ích mạnh bạo dùng văn ấy vào những việc quan-trọng như làm văn tế trận song tướng sĩ. Có lẽ Nhậm có cái nguyện-vọng duy-nhất là cung cho nước Việt-Nam một thứ chữ riêng để tránh cho văn gia Việt-nam việc phụng-sự văn-hóa Trung hoa từ thể-chất đến tinh-thần, từ hình-thức đến đạo-lý. Sự thiết-tha lấy việc trau-giồi quốc-văn làm phận-sự thật là một lợi-khi để rèn-luyện quốc-hồn.

Hiện - thời trong rừng văn nước ta có rất nhiều hoa kỳ, cộ lạ đặc-sắc chẳng kém gì danh-văn Âu, Mỹ hay Trung-hoa thì công của Ngô thi-Nhậm đối với cuộc cải-cách kể trên thiết-tưởng cũng không phải là nhỏ.

Luận về Ngô thi-Nhậm, nhiều sử-gia đã viú vào vụ án năm canh-tý, tặng Nhậm một vết như

mà sự-nghiệp lừng lẫy của Nhậm không thể xóa nhòa được. Quan chúng còn chờ Nhậm không biết bảo-toàn danh tiết vì ông, cha Nhậm kể thế ứn lộc nhà Lê mà Nhậm, trái hẳn lại, đã thờ kẻ thù làm chúa. Lời chê-trách ấy khắc-nghiệt quá vì nếu ở đời thành, bại, hưng, vong đã là sự thường thì khi hai người anh hùng đuổi một con hươu tất người họ gọi người kia là cừu-diệt. Vua Quang-trung làm vua, danh chính, ngôn thuận thì dùng lý ra các bậc nhân-tài trước hết hãy nên nghĩ đến quyền-lợi quốc gia, cố đem tài hoa lỗi-lạc ra khuông-phù xã tắc, hà tất phải khư khư giữ lấy cái ngai vàng đồ nát của triều Lê? Phải chăng? Ngô thi-Nhậm đã nghĩ như vậy nên mới bỏ nhà Lê, thờ nhà Tây-sơn???
(tiếp)

SÔNG-BÀNG

ĐÃ CÓ BẮN

Một quyển sách mà ai ai cũng nên đọc, dần là người mạnh, người phôi yếm, người bị lao.

BINH HO LAO

những phương pháp ngừa lao, săn sóc người phôi yếm và tiếp dưỡng người bị lao
Giá 4\$00

của Bác-sĩ ĐE-VÂN-NGÔN

TỔNG PHÁT HÀNH:

Hanoi: Hiệu sách Đông Tây
195 Hàng Bông

Hải: Hiệu sách Văn Hòa
29 Maréchal Pétain

Saigon: Nhà sách Nguyễn-
Khánh-Đàm, 12 Rue
Sabourain.

Có in ít bản giấy đẹp hảo hạng
Xin hỏi nơi Ông Nguyễn
Khánh-Đàm.

Chưa biết chữ h: o ?
 Muốn học tuấn anh như thế ?
 nên mua quyển
CHỮ NHỎ
HỌC LẤY
 Cử nhân DƯƠNG BẮC-TRẠC
 soạn
 Giá 1\$00 — trước thường
 0\$12 — đảm bảo 0\$32
 không gửi linh hóa
 giao ngân — Đề cho:
 H'ệu Đông Tây 193,
 hàng Bông — H. N. O.
 Các tiệm sách mua buôn
 có hoa hồng hậu

Đạo-hóa và nhân-loại

Số 6

MINI-TUYỂN

Nàng Thơ hỡi! Ô sao? kia ánh lửa
Cứ ào-ào cuốn-cuộn chiếm sương đen,
Như ý muốn vượt qua thành khói lửa
Đề nhô đầu thiếu cả khoảng minh-huyền.
Tiếng dáu lại, như kiêu-binh cường-mã
Đang hò reo, hý lộng với phong-ba?
Tiếng dáu lại, như trời nghiêng đất ngã,
Đảo điên vọng vũ-trụ, bóng sao sa?

— Thi sĩ hỡi! chàng ngạc-nhiên lắm nhỉ!
Đây giang-san đổi mới của thời sau,
Cách biệt với thời chàng muốn thế-hệ,
Mà lòng chàng ao-ước trải canh thâu.
Đây chênh-vênh giữa núi non hùng-vĩ,
Đã bao năm băng tuyết đè hoang-vu,
Nay Văn-Minh Nhân-Loại đem bài-tri
Làm diễn-dàn đồ-sộ phá thâm u.
Đây một giải ngút trời Hy-Mã Lạp.
Dù sương mờ, sao nhạt, bước đường chơn,
Người trăm xứ đất nhau, vui hội hợp,
Cùng giờ cao ngọn đuốc đề đăng sơn.
Đèn tắt hết, thêm lý-kỳ huyền-ảo
Nơi non cùng nước tận lúc đêm khuya.
Nổi bốn phía tiếng âm vang, nhạc dạo,
Tiếng reo ran, vỗ dậy, phát tình-kỳ.
Rừng minh-trúc nhấp-nhó thè lưỡi lửa,
Liếm bóng cờ thu gió, múa như điên.
Nhắm tuyết-đỉnh, kẻ lưng-chèo, lớp giữa,
Kẻ chân non, lớp dưới, tiến dẫn lên.
Thi-sĩ hỡi! hãy cùng nhau nhập bọn,
Và đuốc đây, cùng đỡ, thẳng tay nâng!
Những mong chàng gạt óc hình thời nhộn,
Và nhớ nay Nhân-Loại sống tương-bình
Trước cảnh-tượng chiến-tranh đã tan-biến

Và từ nay xa hẳn cõi trần-ai,
Vị, Nhân Loại vừa phá tan trận-tuyển
Của Hóa-Công sắp đặt ở lòng người..
Thi sĩ hỡi! xem ý chàng mong-mỏi
Muôn tỏ-tường mục-đích hội đền này.
Thì, giờ đây, im tiếng ai cười nói
Với đàn ca, cổ dịch, lộng-tờ mây!
Thì, giờ đây, huyền nào mơ trong tỉnh
Đề đợi chờ diễn-giả sắp lên đàn,
Vị đại-biêu của Loài Người dũng mạnh,
Sẽ bàn-bạc dăm nhời chuyện thế-gian.

X

— Hỡi anh em một nhà trong bốn bề!
Giờ vui này hẳn độc nhất vô song
Trong lịch-sử, từ khai thiên lập địa,
Tới ngày nay Nhân-Loại giốc một lòng,
Chung một dạ, cùng ôm một lý-tưởng,
Cùng nhắm theo một mục-đích cao-siêu,
Cùng tiến bước trên một đường vô thượng,
Cùng hợp nhau thành một khối cường kiêu
Đề trống-trọi với Hóa-Công thượng võ,
Vị Ân-Nhân-Kinh-Địch phải tôn thờ,
Đã bày trận móng-lung bao vũ-trụ
Đề thử-thách can-trường của chúng ta!
Tiếng vỗ tay, tiếng hoan-hô nhiệt-liệt
Như tưởng chừng xẹt núi xuống âm-cung.
Tiếng cổ-võ, dậm chân, như bát diệp,
Như tung hồn, ném xác, giữa không-trung.
Tự đỉnh núi xiên mây Y-Vĩ-Lịch
Mấy nhời đây vỗ cánh lúc đêm khuya.
Hỡi anh em chốn lâm-tuyền, sơn-trạch,
Chốn hải hồ, thành-thị, chốn thôn quê!

(Còn nữa)

M. T.

VĂN-HÓA VẬT-CHẤT

(Tiếp theo trang 5)

Về kỹ-nghệ thì người Úc-châu có những thứ đồ, hay gọi là bao, là túi thì đúng hơn. Thứ đồ ấy đan như lối rút rế của ta. Lại có một thứ thúing hoặc mùng ở dưới đáy có vắn xoắn mấy đầu nhọn.

Nước thì đựng bằng túi da, và cắt những chỗ gần đầu mắt cây để dùng làm bát dọi.

Ở Úc-châu có một quãng dài từ bờ biển phía nam đến tây-nam tức là từ Adelaide đến sông Gascoyne, không có một cách gì đi trên mặt nước cả, không có một cái bè con nào cả. Có lẽ tại bờ biển đó sóng gió, to quá, không đậu được thuyền bè chăng; song cũng có vùng bề an hóm vào đất liền: thế thì có thể nói rằng những văn-hóa cổ nhất chưa biết dùng thuyền bè.

Nhưng ở bờ biển tây-bắc Úc-châu, từ sông Gascoyne đến Port-Darwin, đã có bè; ở vịnh Carpentarie cũng có; ở đây có những kiềng cỡ lắm, là kiềng làm bằng một miếng vỏ cây, kiềng lấy gỗ khoét ruột, tức là độc-mộc, kiềng lấy vỏ cây quắn làm ba quắn, rồi buộc chàng làm một Lối thuyền một miếng vỏ cây chắc là có đã lâu hơn thứ thuyền buộc ba quắn vỏ cây, vì nó mạnh hơn và không bền bằng. Còn lối độc-mộc có lẽ không phải người Úc-châu tự chế ra.

Nói về gia-đình thì người Úc-châu kết hôn ở ngoài thị-tộc, chỉ có một vợ, một chồng; cũng có hội họp nhau thành đoàn-thể, phần nhiều các bộ-lão đứng đầu.

Có lối tài-phán quyết-đầu để giải-quyết những việc tranh nhau kiện nhau, tức cũng như tỉ số để định được thua.

Làm lễ qui-dầu (lễ nhập hội, lễ khai-tâm, v. v., đại-đề như quy của nhà Phật), thì có lối nói rằng. Dân châu Phi, nhất là ở thượng-lưu sông Nil, cũng có lối ấy.

Người chết cũng chôn xuống đất, nhưng để ngồi giùm lại trong hòm như pho tượng trong khăn. Dân ở phía nam châu Phi cũng có lối ấy.

Dân Úc châu có hai thứ nhạc khí; một thứ lấy hai cái gậy đánh vào với nhau như ta đánh phách; còn lối nữa buộc những cái khánh để cho cái nọ chạm vào cái kia, thành tiếng nhạc.

Ở Úc-châu có thứ tranh vẽ, nét bút tự-nhiên, các nhà chuyên-khảo chưa biết rõ có phải là văn-hóa Úc châu không. Có vùng hiện nay không có một tí nước nào, thế mà người ta lại tìm thấy những con cá sấu chạm bằng gỗ, tinh tế lắm, lại có bức tranh cũng vẽ cá sấu, không những vẽ vây cá, da cá, lại vẽ cả đến các bộ phận trong ruột nữa. Không biết những người thợ chạm thợ vẽ khéo như thế là dân Úc hay là dân khác. Hiện nay văn-hóa Úc-châu đều pha lẫn với văn-hóa khác (G. Montandon, *L'ologénèse culturelle*, trang 61 67; J. Deniker, *Les races et les peuples de la terre*, trang 326 330, 593 599).

(Còn nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

« HẬU-LAI CÁCH-TRÍ »

(Tiếp theo trang 13)

ra được, nhưng mà ai phải đối đáp lập-lức, không khiên - diên được. Khoa-học có qui - củ, có phương-pháp, thì biết quyết ý đành chịu đợi; khoa học cổ - sơ thoát tiền đã muốn tưởng lẽ muốn vật, Nói thật, ấy là sự muốn người ta ngày nay tính ra mấy bài tính đổ, còn thì hoãn đề những thế kỷ tương-lai biết rõ người ta hiện tại thế nào, ở trong cõi đời chiếm địa vị nào, cõi đời hẳn do từ đâu, bản-thân nguyên nhân từ đâu, muốn người ta trì hoãn như thế không sao được vậy. Dẫu con người ta biết câu bí mật không tài nào cần nghĩ được, cũng không thể ngăn cản con người ta nóng nảy, chịu khổ tìm-tòi giảng giải câu bí mật ấy (trang 18).

(Còn nữa)

Thịnh-quang ĐỖ THUỐC

???

— Ai là quan Thám-hoa mà lại đi kéo vó như một thường dân?

— Ai da dùng ba tác lược để tránh cho vua Tàu khỏi bắt dân ta róc tóc với bện đuôi xam?

Muôn rõ xin đọc:

« Quan Thám kéo vó » của Tiên-Đàm NG.-T.-PHƯƠNG đã có bán ở các hiệu sách

Giá 0\$35

In đẹp — họa sĩ PHẠM - GIA GIANG tốt nghiệp trường Mỹ Thuật v.v.

TIỂU THUYẾT LỊCH-SỬ

CHẠY CUNG CHUÔNG VÕ

Số 3

CHU-THIÊN

Người khách ngồi trong cùng bảy giờ mới lên tiếng :

— Nhưng các ông nên biết mọi việc ở đời không dễ dàng thắng lợi như các ông tưởng đâu. Nhiều khi lại chỉ những người hay tự cao tự đại là kẻ đại và hèn yếu mà thôi !

Một chàng, rượu đã ngấm, lại bị chạm lòng tự ái, trừng trừng nhìn người khách kia, sừng sộ nói :

— À anh này giỏi, lại dám cả gan nói khẩy anh em chúng tôi à ?

Người kia vẫn ung dung đáp :

— Tôi không nói khẩy ai cả. Tôi chỉ nói rõ mọi sự mà tôi nhận thấy. Các ông tưởng họ Trần chịu lép một bề đây phải ? Biết đâu đây chẳng là kẻ hoãn binh của cái lão Thái sư già gian xảo ấy... Và lại, làm việc lớn cốt nhất danh phải chính, ngôn phải thuận, thì trăm họ mới biết lời mà noi theo, mới mong có ngày thịnh-trị, chứ đang này, bậc tráng-sĩ đại danh ở đất Phù-minh này lại quên mất đại nghĩa, đi kết thân với kẻ thù bỏ tôn thống nhà Lý, cầu lấy lợi lạc riêng mình. Như thế còn mong gì lâu dài yên vui mãi mãi... Thật là mơ-màng...

Khách nói xong điềm nhiên tợp một hớp rượu như không có chuyện gì. Nhưng bọn ba chàng kia tức lắm. Một anh đứng dậy, sẵn tay áo chống khoanh tay ở cạnh sườn, hỏi một cách nộ nạt :

— Anh noi lão ! Khinh miệt thượng ty, ngạo mạn cả đức Kim thượng, xử trảm !

Thấy nét mặt người khách vẫn tươi đẹp như thường với đôi mắt dài và sáng, rất dịu dàng, không phát lộ một vẻ lo-sợ gì một người trong bọn với kẻ chàng kia ngồi xuống, và ung dung nói mỉa mai :

— Nói mà không nghĩ, tức là hạng thất phu, cái mạnh ấy là cái hùng mạnh của kẻ cuồng ngộ. Người quân tử không bao giờ chấp vớ kẻ thất phu cuồng ngộ, nhất là lại ở trong quán rượu.

Nói xong câu ấy, cả bọn đều tự lấy làm lý thú cao-kỳ lắm, tự thưởng nhau mỗi người một chén rượu, uống nuốt vui vẻ lắm, tưởng chừng như câu ấy sẽ gang lấy họng người khách kia, không cho thốt ra lời nào nữa. Nhưng không, vị khách vẫn tươi tỉnh dong dạc nói :

— Ở đời phân-biệt được thế nào là quân tử, thế nào là tiểu nhân, thế nào là cuồng ngộ, khó lắm. Phân biệt được như thế tức là bậc thánh hiền minh triết rồi. Đang này một lũ mê đại tự nhận mình là thánh thần, ếch ngồi đáy giếng, không biết tí gì về nhân tâm, thế sự, mà cũng dám lên mặt nói thế này thế nọ... Cái hạng người ấy, chỉ nên thương... Không ai bỏ giận..!

Trong quán im-lặng, một thứ im-lặng nặng nề, khó chia. Một lúc sau, một chàng ngẩng mặt quắc mắt nhìn người khách chòng chọc và hang hăng hỏi :

— Anh bảo ai vậy ? !

Người kia đứng-dĩnh vừa ăn vừa đáp :

Tốt bảo những người ngu dốt không nhìn xét gì đến sự thực trong mọi việc cả, mà vẫn còn tự phụ...

Một anh nữa sừng sộ hỏi tiếp :

— Anh định ám chỉ anh em chúng tôi đây có phải ? Có phải thì nói mau, không thì bảo ?

Người kia vẫn nghiêm nghị quay nhìn mọi người ngồi ở những mâm ngoài, rồi nói như phân bua :

— Các ông đây thử nghĩ mà xem. Một lũ loạn thần lạc tử họ Trần lập mưu tiếm đoạt ngôi thiên nhà Lý ta tự lâu. Chúng nó giết hại kẻ trung lương, hãm hại họ hàng tôn thất nhà vua, để lập thành cơ nghiệp cho chúng nó. Những kẻ hào kiệt trong thiên hạ đều vì đại nghĩa đứng lên, mong trừ diệt lũ giặc cướp ấy. Trăm họ đang nguyền rủa noi theo, trông chờ. Thì bậc tráng-sĩ Phù-minh kia lại bị mắc vào mụ nhân kế của Trần Thủ Độ, ham mê một đứa con gái, mà quay lại phản ý muốn của toàn dân, đi thần phục lũ loạn-thần tặc tử. Như thế mà một lũ ngu ngốc lại tưởng là giờ bề lắm, cho là Trần Thủ Độ nó sợ uy phải dâng gái cầu hòa. Một thằng lật đật nghiệp vua, làm nghiêng ngửa cả thiên hạ, khi nào nó có chịu sợ uy ai. Nó dữ được thì nó dữ, nó lừa được thì nó lừa. chứ nó có lép nổi gì. Rồi đây bốn phương còn loạn lạc tứ tung, chứ đã yên cho đâu mà mừng ! Cái hạng ngu dốt ấy không biết rằng cũng nhờ có dân chúng tin theo, nhiều người phả 'á, thì Tráng-sĩ Phù minh mới được tôn lên địa vị đế vương như ngày nay chứ... Đến đứa con trẻ nó cũng biết vậy...

Không đợi cho nói hết, bà chàng kia đều hăm hăm đứng dậy, sẵn sồ quát :

— À ! mi bảo chúng tao ngu dốt phải ? Thằng này phải nên cho một trận, nó mới biết thân. Đánh ! Anh em !

Tiếng giương phản bị số giãm, bát đĩa bị gạt lăn loảng-soảng, trong quán đã trở nên ồn ào đại náo, ai nấy đều đứng cả dậy, trừ người khách vừa nói. Chủ quán sợ xanh

mặt, thông bụng lo ngay ngáy, người ta hung hăng phá toang hoảng, vỡ nát cửa cửa hàng. thì mất cả vốn liếng, vôi vàng van lầy khăn khăn xin mấy người ngồi mâm ngoài can hộ. Trong khi người khách vẫn ung dung ngồi uống rượu, mấy người kia cũng vội tắt tả chạy ra đù lầy ba chàng kia, và từ tốn nói phân trần hòa giải :

— Xin ba ngài, hãy bớt giận làm lành, bình tĩnh lại mà giảng giải cho mọi người hiểu rõ lý do. Các bậc hiền giả ngày trước nghe người ta rêu đến chỗ nhằm của mình tức khắc hai tay mà nhận lấy. Và lại quý khách đây trăm mặc và bình thân như vậy, chắc cũng là tay cả bản lĩnh, ta chớ nên vọng động.

Một chàng đề nghị nạm rượu xuống bàn và sang sang nói :

— Nể lời các ông, anh em chúng tôi hãy tha chết cho nó, chứ nghĩ nó, chúng tôi coi ra mùi gì mà các ông bảo là tay bản lĩnh.

Người khách cũng ngừng mặt lên nhìn mọi người và nói :

— Phàm bản đến thiên hạ sự cũng như dùng binh đánh vào lòng người là thương sách, còn đánh thành cướp đất là hạ sách. Sao vậy ? Bởi vì đánh được lòng người, thì trăm họ đều theo, lấy thiên hạ như giở bàn tay, Trăm họ đã không tin phục thì đã có chiếm cứ được cả thiên hạ rồi tất cũng có ngày sụp đổ. Nay các ông đây tự khoe là người dân hiền của một vị đế vương mở nền thái bình thịnh trị, thế mà có một người như tôi đây chưa trông thấy rõ cái công nghiệp hiền hách ấy đáng lẽ các ông phải minh bạch chỉ bảo cho tôi hay. Đàng này các ông lại sừng sộ nộ nạt tôi là lý làm sao ? Các ông có biết dân rằng trong thiên hạ còn hàng vạn hàng triệu người cũng tương tự như tôi mà thôi. Các ông lại có biết dân rằng sừng sộ nộ nạt như thế đã uy hiếp nổi người ta hay chưa, mà lại làm hại ngay cho một kẻ vô tội hiền lành đứng giữa, như bác chủ quán này chẳng hạn. Cũng vì nghĩ vậy, nên tôi đây đành chịu lỗ dịp đáp lễ các

ông chứ đường đường chính chính ở nơi công hội, thì kẻ sợ chế ham sống này dấn hèn ra nữa, cũng xin đủ lễ đáp lại các ông có lòng hạ cổ đoái tưởng đến.

Người khách la nói một mạch dài, như một nhà sư đọc một bài kinh cínq Phất, mấy người ngồi ngoài đều lặng thinh nhìn thờ lẳng tại n he ra vẻ mặt phục lam. Tuy vậy ba chàng kia vẫn không nguôi cơn giận, đều hung hăng sẵn cả lại gần. Một chàng quát :

— Ta không thêm cái lý với mi Mi hỗn sược, ta hãy trị cho mi một mẻ đả, rồi hăn nói chu lên. a cừ đánh !

Người khách vẫn n he yên cựa đáp lại :

— Vâng, lời xin lý ừ ừ !

Mấy chàng kia không thêm n he người kia nói gì tức thì ncm năn chèn vun-vút vào người khách. Nhưng người này rất nhanh nhẹn, cúi, né và gạt đỡ được hết, rồi để những mảnh vỡ lên bàn và vẫn tươi cười nói.

— Tôi đã bảo mà, chỉ tỏ hại anh chủ quán thôi mà. Ta có rảnh, đem nhau ra khoảng không người mà tỉ thí, lợi hay hại ngay cho mình mà không thiệt đến ai thì hơn !.

Mấy người khách ở ngoài thấy tình thế không thể giàn hòa êm-thả n được, hai bên cứ gây sự với nhau họ đều sợ hãi bỏ lảng dần đi cả, để mặc chủ quán cùng mấy đứa hầu run sợ đứng nhìn đợi canh tan lành mà không dám kêu gào ai đến phân xử được. Vì mấy người khách sang trọng kia đã tháo lui thì còn gì dám mon men ben mảng đến giữa lúc ba chàng tráng-sĩ Du làm đ rong hững hờ đánh nhau với con người hăn sược nào đấy. Thấy trong quán tro lại còn mỗi một mình mình với ba kẻ cừu địch, vị quý khách kia liền đứng giẫy sải tiền giả chu quán rồi đứng định bước ra ngoài. Ra đến hè người ấy còn quay lại bảo thêm chủ quán rằng :

— Tôi giả dền cả mọi thứ đập vỡ vì tôi đây Bán hàng nhặt từ đồng kẽm, lơ lải là bao, mà nhờ ra gúp bọn khách hung tàn như chúng tôi, thì mất nghiệp chứ còn gì !

Thấy người khách nói ra vẻ khiêu khích ba chàng trẻ Du làm, đều hăm hăm đập đồ bàn ghế sùn ra ngoài, người nọ bảo người kia :

— Ba đưa chúng mình lại chịu thua nó hay sao ? Đuổi đánh chứ thế này nhựt !

Nhưng vừa liến ra đến cửa, thì họ phải dừng ngay lại, sừng sồ cường quít Họ ngơ ngác như đang ở trong một giấc mơ

(Còn nữa)
CHU THIÊN

Tin buồn trong làng văn

Bác báo vừa được tin buồn Bác sỹ Lê hữu Mỹ, nguyên phụ giáo khoa đơ đề (Assistant de Clinique Obstétricale et Gynécologique) tại y khoa Đại-học Đường Hanoi mới mệnh c uug ngày 15 Août 1948, ở Banthi (mở kềm chợ Điền, Baekán)

Tang lễ đã cử hành ở Ban Thi.

Bác-sỹ Mỹ là tác giả tập Hương Lúa (1937), quyển sách khoa học đầu tiên nói về vấn đề hôn-nhân vệ sinh ; và tập Tuổi Xanh, mới xuất bản gần đây, nói về phép nuôi con.

Trong dịp buồn rầu này, bản chỉ xin có nhời kinh viếng hương-hồn Bác-sỹ, và phân ưu cùng tang gia.

TRI-TÂN

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Pháp

1p.00 một vé

ĐÃ XUẤT BẢN

MỘT GIẢI PHÁP CỦA THỦ-XÃ
ALEXANDRE DE RHODES

KIM VÂN KIỀU

Cuốn II (trọn bộ)

Bản dịch Pháp - văn của ông
Nguyễn - văn - Vĩnh 470 trang khổ
17×23, bìa hai màu, có nhiều tranh
ảnh của họa-sĩ Mạnh-Quỳnh.

Toàn bộ **KIM VÂN KIỀU** gồm
800 trang, thành một pho sách quý
vô-giá đề quốc-dân ngâm và hiểu
áng văn của Tố - Như.

Bản thường 3\$00 cước 0\$80

Bản Vergé bouffant 8\$00 cước 1\$20

Gửi linh hóa giao ngân,
kèm thêm 0\$30

TÔNG PHÁT HÀNH

MAI LĨNH

21, Rue des Pipes — Hanoi

ĐÃ CÓ BÁN :**KHẢO LUẬN VỀ
KIM VÂN KIỀU**

ĐÀO-DUY-ANH

*

Quyển sách đầu tiên nghiên cứu và bình
luận tổng quát về Nguyễn-Du và tác phẩm,
có phụ cả Thanh-hiến thi tập và Bắc-hành
tập-lục.

Giá 2\$40

VÂN HÒA

29, Maréchal Pétain — Hué

Quyển Từ-diễn chuyên môn đầu tiên
trong kho sách quốc-văn.

VĂN-LIỆU TỪ ĐIỂN

của Long-Điền NGUYỄN VĂN MINH

Tựa của Cụ Đốc Ôn-Như NGUYỄN VĂN NGỌC

« Đọc quốc-văn mà có hiểu những tiếng có điển
tích thì mới cảm thấy cái hay của quốc-văn.
Có cảm thấy cái hay ấy thì mới đề ý đến quốc-
văn và ra chuộng-quốc-văn. Nay tiên-sinh cho
xuất bản tập « Văn liêu từ-diễn » giảng rõ
những tiếng dùng trong quốc-văn mà có điển
cổ, thật là một cái công to với quốc-văn vì tập
sách ấy sẽ giúp ích cho người học quốc-văn
một phần lớn ».

Trích thư của

Đốc học Nguyễn Quang Oánh

Sách dày ngót 400 trang khổ rộng 16 × 25

Giá bán lẻ có 5\$00

Mua một quyển, xin gửi tiền trước thêm
0\$70 cước phí đảm bảo, về :

Ô. Quảng-vạn-Thành

16, Phố Lê Lợi — HANOI

51, Doumer — HAIPHONG



MỚI CÓ BÁN

CẢI TẠO SINH LỰC

Phần thực hành trong bộ

« SỨC KHỎE MỚI »

HÀN THUYỀN của P. N. KHUÊ — Giá 3\$50

25 8-43 có bán

XÃ HỘI AI-CẬP

ĐỜI THƯỢNG CỒ

Trong bộ « Lịch sử Thế giới »

của NGUYỄN ĐỨC QUỲNH

Giá 2\$50

23

Ở xa mua 1 cuốn xin gửi tiền trước kèm
0\$40 cước đảm bảo về ô. Giám-đốc

HÀN-THUYỀN

71, Tiên-Tsin — HANOI

REVUE TRI-TÂN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant: Nguyễn-Tường-Phượng

Imp. Tri-Tân 95—97 Chancéaulme, Hanoi